BẢN TIN

Tự do hóa Doanh nghiệp và thương mại

Số 37+38, Quý III + IV/2024

www.trungtamwto.vn

DOANH NGHIỆP CHẤM ĐIỂM

CÁC THỦ TỤC CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ FTA

WTO CENTER VCCI TRUNG TÂM WTO

TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP
LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Quý Bạn đọc đang cầm trên tay Bản tin "Doanh nghiệp và Tự do hóa thương mại", ấn phẩm xuất bản hàng quý của Trung tâm WTO và Hội nhập thuộc Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI).

Bản tin "Doanh nghiệp và Tự do hóa thương mại" cung cấp các thông tin thời sự cập nhật và các thảo luận chuyên sâu về các sự kiện, câu chuyện hội nhập kinh tế quốc tế, tự do hóa thương mại, đặc biệt là qua các Hiệp định thương mại tự do (FTA) ở Việt Nam và trên thế giới.

Với cách tiếp cận thực tiễn và các phân tích cụ thể từ góc nhìn của doanh nghiệp. Bản tin hy vọng mang tới những thông tin hữu ích cho các doanh nghiệp, góp phần cùng doanh nghiệp chủ động tìm hiểu, chuẩn bị kế hoạch và triển khai hành động, tận dụng hiệu quả các lợi ích từ quá trình tự do hóa thương mại của Việt Nam.

WTO CENTER
VCCI
TRUNG TÂM WTO

TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP
LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 09 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: +84 24 35771458
Email: banthuky@trungtamwto.vn
Facebook.com/trungtamwtovahoinhap

MỤC LỤC

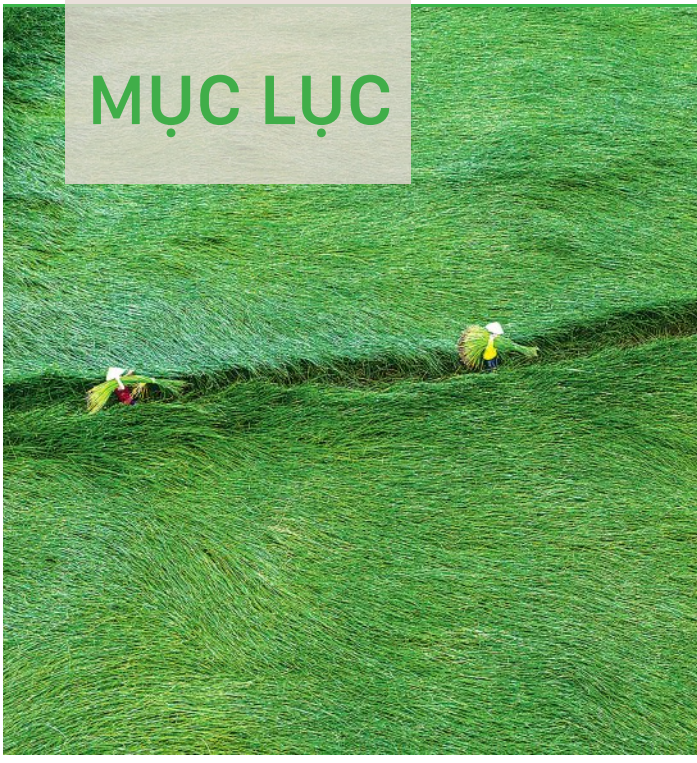

TIN VIỆT NAM

Bức tranh xuất nhập khẩu và đầu tư của Việt Nam năm 2024 4

Đón sóng đầu tư nước ngoài vào Việt Nam 12

Thêm nhiều tin vui cho rau quả xuất khẩu của Việt Nam 14

Rộng đường cho xuất khẩu Việt Nam vào Trung Đông 16

CPTPP có hiệu lực với Anh – Cơ hội mới cho thương mại và đầu tư Việt Nam 20

Hoa Kỳ chưa công nhận nền kinh tế thị trường của Việt Nam 22

Xuất khẩu sang EU ngày càng nhiều thách thức 24

Tổng hợp diễn tiến phòng vệ thương mại trong 6 tháng cuối năm 2024 28

TIN QUỐC TẾ

Viễn cảnh bất ổn từ các nguy cơ thuế quan mới của Hoa Kỳ 38

Cập nhật tiến trình đàm phán mới và nâng cấp các FTA của ASEAN 41

UAE tích cực mở rộng mạng lưới FTA 44

WTO kết nạp thêm thành viên mới 46

CHUYÊN ĐỀ 48

DOANH NGHIỆP CHẤM ĐIỂM CÁC THỦ TỤC CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ FTA

Bức tranh xuất nhập khẩu và đầu tư của Việt Nam năm 2024

Tổng quan xuất nhập khẩu Việt Nam năm 2024

Tình hình xuất nhập khẩu chung

Năm 2024, xuất nhập khẩu của Việt Nam ghi nhận sự phục hồi và tăng trưởng mạnh mẽ sau một năm 2023 đầy thách thức. Theo Tổng cục Thống kê, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam tăng 15,4% so với năm 2023, đạt 786,29 tỷ USD, trong đó xuất khẩu đạt 405,53 tỷ USD (tăng 14,3%) và nhập khẩu đạt 380,76 tỷ USD (tăng 16,7% so với năm 2023). Kết quả này giúp Việt Nam duy trì xuất siêu năm thứ 9 liên tiếp, với giá trị thặng dư thương mại đạt 24,77 tỷ USD, trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài xuất siêu 50,29 tỷ USD, còn khu vực kinh tế trong nước lại nhập siêu 25,52 tỷ USD.

Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục giữ vai trò chủ chốt trong các hoạt động thương mại quốc tế của Việt Nam, đóng góp 71,7% vào kim ngạch xuất khẩu (với 290,94 tỷ USD) và 63,2% vào kim ngạch nhập khẩu của cả nước (với 240,65 tỷ USD).

Kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam năm 2024

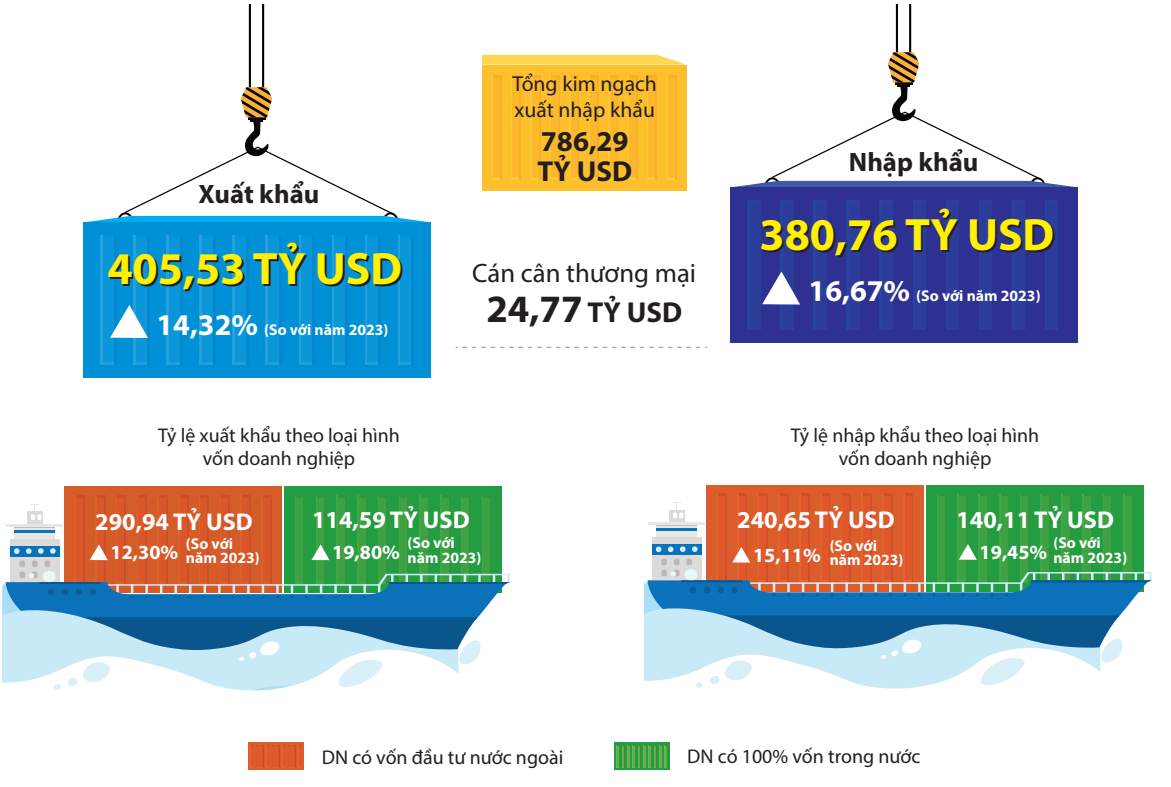

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tình hình xuất nhập khẩu theo mặt hàng

Về xuất khẩu, sự phục hồi của các thị trường xuất khẩu với lượng đơn hàng gia tăng đã đóng góp tích cực vào kết quả xuất khẩu của Việt Nam trong năm 2024. Tốp 10 sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam đều ghi nhận tăng so với năm trước, trong đó 6/10 mặt hàng có mức tăng trưởng ấn tượng trên 2 chữ số, điển hình là nhóm điện tử, máy tính tăng 26,62%; máy móc, thiết bị tăng 21,02%; gỗ và sản phẩm gỗ tăng 20,89%...

Trong năm 2024, có tới 37 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD (tăng hai mặt hàng so với năm 2023), chiếm 94,3% tổng kim ngạch xuất khẩu. Đặc biệt, có 08 mặt hàng trong số này đạt giá trị trên 10 tỷ USD (tăng một mặt hàng so với năm 2023), chiếm 69% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước.

Về cơ cấu hàng hóa xuất khẩu, các sản phẩm điện tử, điện thoại và máy móc thiết bị tiếp tục là các mặt hàng xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với tổng kim ngạch xuất khẩu ba nhóm hàng này chiếm đến 44,1% tổng xuất khẩu của cả nước.

So với năm 2023, xuất khẩu nhiều mặt hàng chủ lực của Việt Nam (như điện tử, máy tính; máy móc, phụ tùng; gỗ và sản phẩm gỗ...) đã bật tăng mạnh mẽ. Trong khi đó, dù chưa hoàn toàn phục hồi sau sự sụt giảm năm 2023, kim ngạch xuất khẩu của một số nhóm hàng khác như điện thoại, dệt may, giày dép, thủy sản... cũng đã được cải thiện trong năm nay, đem đến tín hiệu tích cực vào sự phục hồi và kỳ vọng tăng trưởng trở lại trong thời gian tới.

Tốp 10 sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam năm 2024

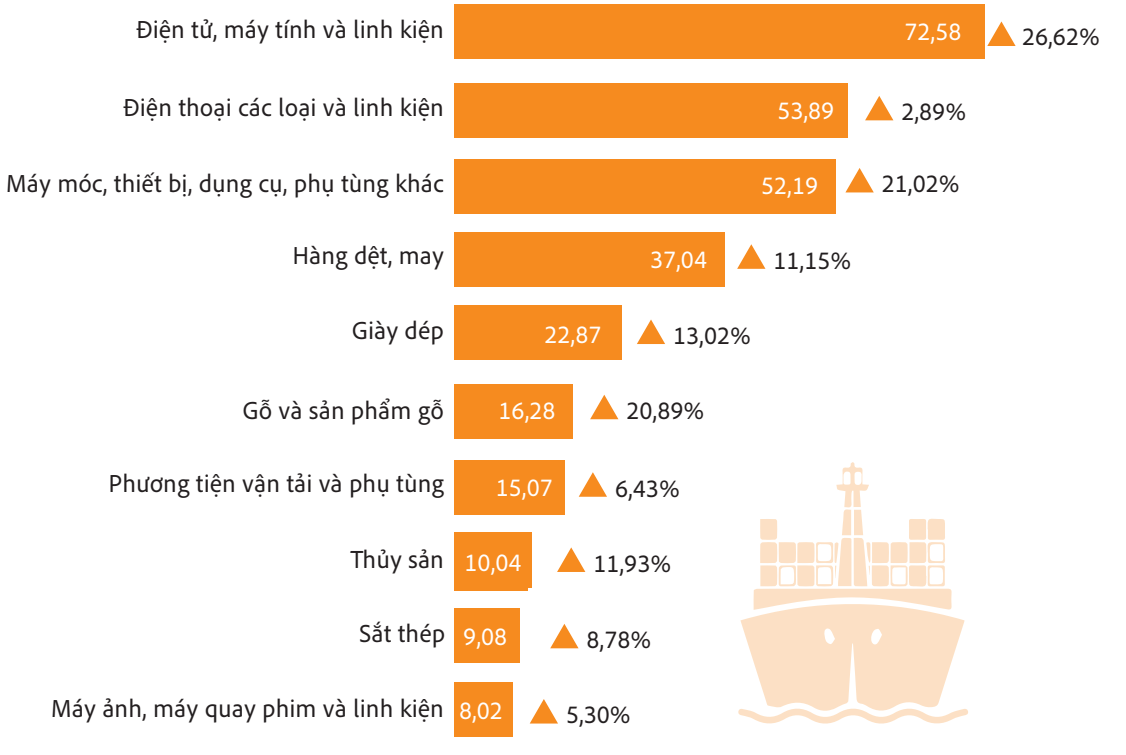

(Đơn vị: tỷ USD)

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Về nhập khẩu, tất cả các sản phẩm nhập khẩu trong Tốp 10 của Việt Nam đều tăng so với năm 2023, trong đó có đến 9/10 sản phẩm có mức tăng 2 chữ số.

Điện tử, máy tính và máy móc, phụ tùng tiếp tục là hai nhóm sản phẩm dẫn đầu trong danh sách các mặt hàng nhập khẩu nhiều nhất của Việt Nam (chiếm đến 41% tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước). Đây cũng là hai nhóm hàng có sự phục hồi nhanh chóng và tăng trưởng tốt trong năm 2024, lần lượt tăng 21,7% và 17,59% so với năm 2023.

Trong năm 2024, có 46 mặt hàng đạt kim ngạch nhập khẩu trên 1 tỷ USD (tăng hai mặt hàng so với năm 2023), chiếm 93,1% tổng kim ngạch nhập khẩu. Đáng chú ý, có 06 mặt hàng trong số này đạt giá trị trên 10 tỷ USD (tăng hai mặt hàng so với năm 2023), chiếm 54% tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước.

Cơ cấu hàng hóa nhập khẩu không có thay đổi nào đáng chú ý trong năm 2024. Chiếm phần lớn trong tổng kim ngạch nhập khẩu là nhóm hàng tư liệu sản xuất (93,6% với 356,43 tỷ USD), trong đó sản phẩm máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng chiếm 47,4%; các mặt hàng nguyên, nhiên, vật liệu sản xuất chiếm 46,2%. Nhóm hàng tiêu dùng chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ (6,4% với 24,33 tỷ USD).

Tốp 10 sản phẩm nhập khẩu chủ yếu của Việt Nam năm 2024

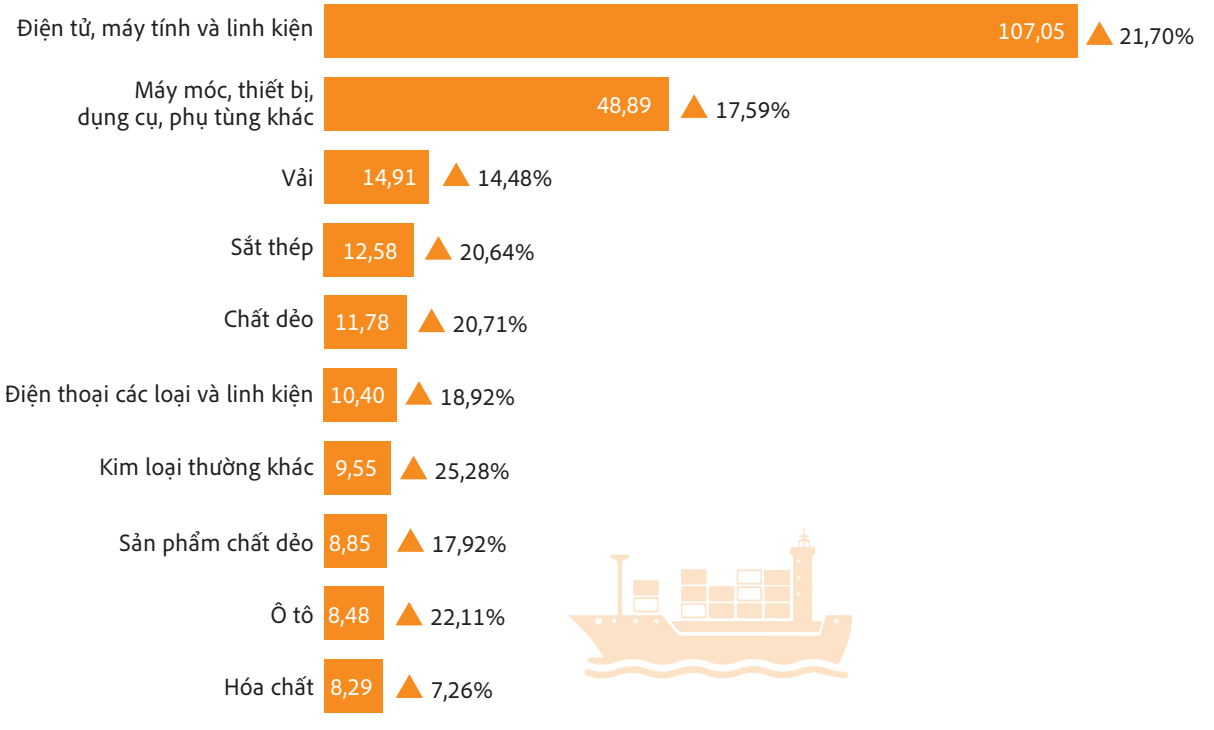

(Đơn vị: tỷ USD)

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tình hình xuất nhập khẩu theo thị trường

Năm 2024, trao đổi thương mại giữa Việt Nam với 06 đối tác lớn nhất là Hoa Kỳ, Trung Quốc, Liên minh châu Âu (EU), ASEAN, Hàn Quốc hầu hết đã phục hồi và đạt được những kết quả tích cực.

Về xuất khẩu, Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam trong năm 2024, chiếm 29,5% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước với giá trị xuất khẩu đạt 119,6 tỷ USD, tăng 23,3% so với năm 2023. Cán cân thương mại của Việt Nam với Hoa Kỳ tiếp tục duy trì trạng thái thặng dư với giá trị xuất siêu là 104,6 tỷ USD (tương ứng với kim ngạch xuất khẩu cao gấp gần 8 lần kim ngạch nhập khẩu). Sau Hoa Kỳ, Trung Quốc là thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của Việt Nam với kim ngạch xuất khẩu năm 2024 đạt 60,6 tỷ USD, giảm nhẹ 1,1% so với năm 2023.

Các thị trường khác gồm EU, ASEAN, Hàn Quốc và Nhật Bản cũng đều ghi nhận mức tăng trưởng xuất khẩu tích cực. Đặc biệt, xuất khẩu sang EU bật tăng 19,3%, phục hồi mạnh mẽ so với mức giảm 2,5% của năm 2023.

Về nhập khẩu, Trung Quốc vẫn duy trì là nguồn cung hàng hóa lớn nhất của Việt Nam, với kim ngạch nhập khẩu năm 2024 đạt 144,3 tỷ USD, chiếm 37,9% tổng nhập khẩu của cả nước. Đáng chú ý, kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc trong năm 2024 có sự phục hồi nhanh chóng và tăng trưởng đặc biệt lớn, ở mức 30,4% (trong khi năm 2023, nhập khẩu từ Trung Quốc chỉ giảm 5,9%). Trung Quốc cũng là nguồn nhập siêu lớn nhất của Việt Nam, với mức thâm hụt thương mại gần 84 tỷ USD (trong đó nhập khẩu gấp 2,4 lần xuất khẩu).

Sau Trung Quốc, Hàn Quốc là thị trường nhập khẩu hàng hóa lớn thứ hai của Việt Nam với giá trị nhập khẩu năm 2024 đạt 56,2 tỷ USD, chiếm 14,8% tổng nhập khẩu của cả nước. Như vậy, chỉ riêng hai thị trường Trung Quốc và Hàn Quốc đã chiếm hơn phân nửa kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam. Ngoài ra, Hàn Quốc cũng là quốc gia mà Việt Nam nhập siêu lớn với mức thâm hụt thương mại lên đến 30,7 tỷ USD, tăng 5,5% so với mức thâm hụt năm 2023.

Kim ngạch xuất nhập khẩu với một số thị trường trọng điểm của Việt Nam năm 2024

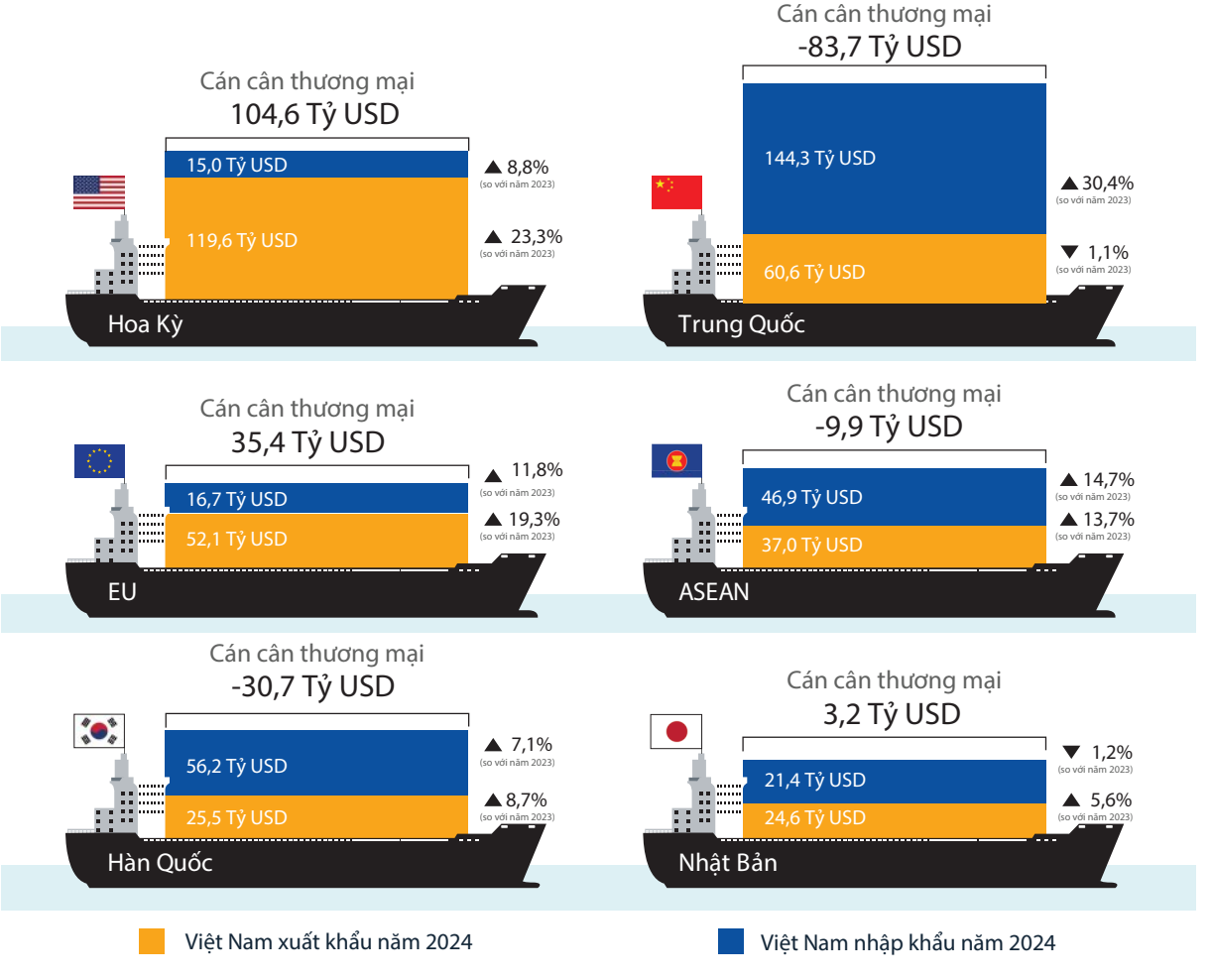

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tổng quan thu hút đầu tư nước ngoài năm 2024

Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài chung

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam trong năm 2024 đạt 38,23 tỷ USD, giảm nhẹ 3% so với năm 2023. Sự sụt giảm này chủ yếu đến từ mức giảm mạnh 48,1% của vốn đầu tư gián tiếp (góp vốn, mua cổ phần) và mức giảm 7,6% của tổng vốn đăng ký mới. Tuy nhiên, tín hiệu tích cực là vốn đầu tư mở rộng (vốn đăng ký tăng thêm từ các dự án đang hoạt động) lại ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng 50,4%, đạt 13,96 tỷ USD. Sự gia tăng này không chỉ phần nào bù đắp sự sụt giảm của vốn đăng ký mới và vốn đầu tư gián tiếp, mà còn cho thấy niềm tin của các nhà đầu tư hiện hữu vào triển vọng kinh doanh lâu dài của Việt Nam.

Điểm sáng nổi bật trong bức tranh đầu tư nước ngoài vào Việt Nam năm 2024 là mức vốn giải ngân thực tế thiết lập kỷ lục mới, đạt 25,35 tỷ USD, tăng 9,4% so với năm 2023. Điều này cho thấy các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đã đăng ký đang được triển khai một cách hiệu quả, tạo động lực cho sự phát triển kinh tế trong giai đoạn sắp tới.

Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài của Việt Nam năm 2024

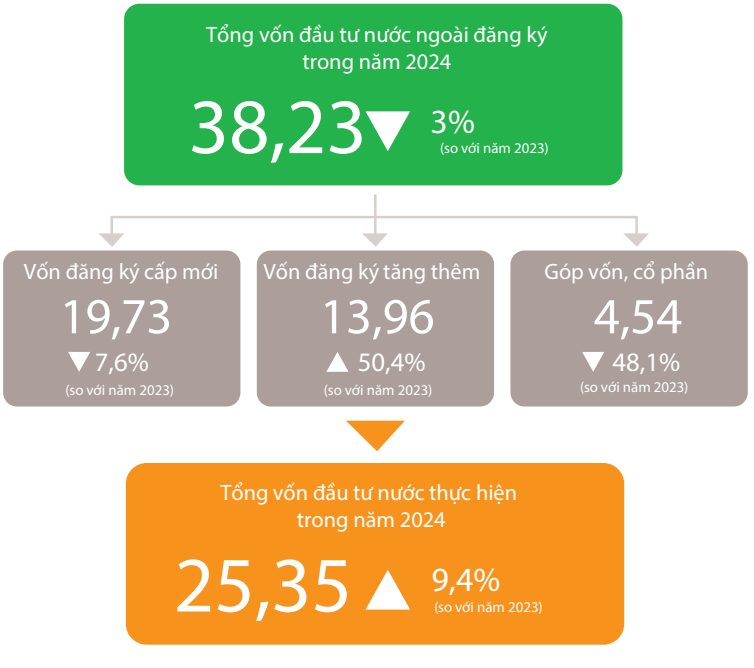

(Đơn vị: tỷ USD)

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Ghi chú: Các số liệu được tính đến hết ngày 31/12/2024 (thay vì ngày 20/12 theo thông lệ hàng năm)

Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài theo địa phương

Năm 2024, Quảng Ninh là địa phương dẫn đầu cả nước về thu hút đầu tư đăng ký mới với 2,28 tỷ USD cho 45 dự án, chiếm 11,55% tổng số vốn FDI đăng ký mới của Việt Nam. Một số dự án đầu tư lớn tại Quảng Ninh trong năm 2024 có thể kể đến như 02 dự án mới của Tập đoàn Foxconn (Đài Loan) là Dự án Hệ thống thông minh tại Khu công nghiệp (KCN) Bắc Tiền Phong (Deep C) với tổng mức đầu tư 287,2 triệu USD và Dự án sản phẩm giải trí thông minh tại KCN Sông Khoai AMATA với tổng mức đầu tư 263,7 triệu USD. Ngoài ra, Dự án tấm silic đơn tinh thể và thanh silic đơn tinh thể quang điện Gokin Solar Hải Hà Việt Nam (Hồng Kông, Trung Quốc) cũng gây chú ý với tổng mức đầu tư 275 triệu USD...

Sau Quảng Ninh, Bắc Ninh là tỉnh có số vốn FDI đăng ký mới lớn thứ 2 cả nước với tổng vốn đăng ký cấp mới đạt 1,89 tỷ USD cho 361 dự án đầu tư mới, tiếp tục khẳng định vị thế là một trong những trung tâm thu hút FDI lớn nhất của Việt Nam.

Trong tổng thể, thống kê của Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho thấy vốn đầu tư nước ngoài trong năm 2024 vẫn tập trung vào các tỉnh, thành phố có nhiều lợi thế trong thu hút FDI như Quảng Ninh, Bắc Ninh, Bà Rịa Vũng Tàu... Tuy nhiên, năm 2024 cũng chứng kiến sự phân bổ đa dạng hơn với sự xuất hiện của nhiều cái tên mới như Thái Nguyên, Thái Bình, Ninh Thuận... trong danh sách các địa phương có số vốn đăng ký mới cao nhất. Điều này cho thấy sự lan tỏa của dòng vốn FDI tới các khu vực khác nhau trong cả nước, tạo động lực cho sự phát triển kinh tế đồng đều hơn.

Tốp 8 địa phương có số vốn FDI đăng ký mới nhiều nhất tại Việt Nam năm 2024

(Đơn vị: triệu USD)

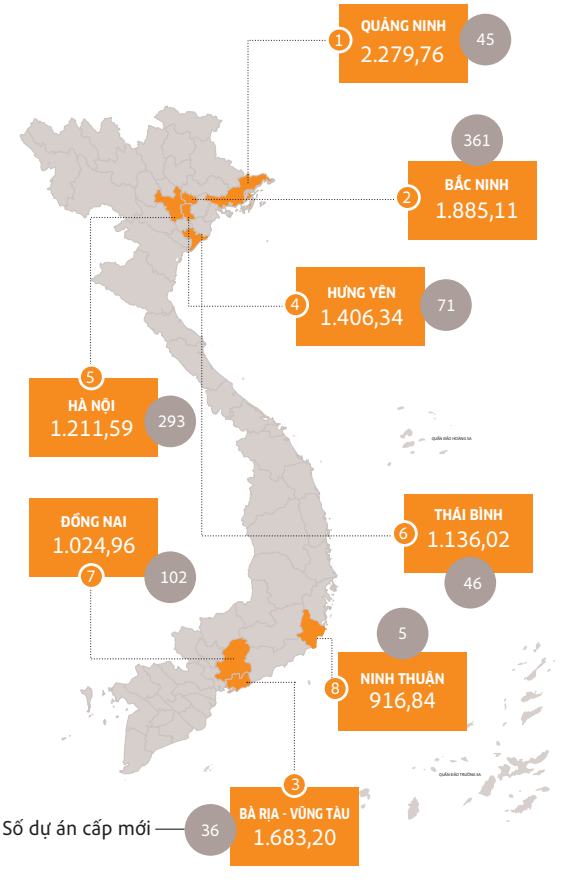

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài theo nguồn đầu tư

Năm 2024, các nhà đầu tư châu Á tiếp tục giữ vai trò chủ chốt trong dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, với những cái tên quen thuộc như Singapore, Hàn Quốc, Trung Quốc, Hồng Kông (Trung Quốc), Nhật Bản, Đài Loan. Riêng 06 nguồn đầu tư này đã chiếm tới 86,5% tổng vốn đăng ký cấp mới của cả nước.

Singapore tiếp tục dẫn đầu danh sách các nhà đầu tư đăng ký cấp mới nhiều nhất tại Việt Nam trong năm 2024 với tổng vốn đầu tư lên đến 6,26 tỷ USD cho 462 dự án mới, chiếm 31,7% tổng vốn đăng ký cấp mới của cả nước. Sau Singapore, Hàn Quốc và Trung Quốc là đối tác đầu tư lớn thứ 2 và thứ 3 vào Việt Nam với tổng vốn đăng ký cấp mới trong năm 2024 lần lượt là 2,89 tỷ USD (cho 410 dự án) và 2,84 tỷ USD (cho 955 dự án).

Đáng chú ý, Thổ Nhĩ Kỳ lần đầu góp mặt trong danh sách nguồn đầu tư FDI lớn vào Việt Nam, xếp vị trí thứ 7 với 731,3 triệu USD cho 7 dự án đầu tư mới. Đây được xem là bước tiến mới trong quan hệ đầu tư giữa Việt Nam và Thổ Nhĩ Kỳ khi chỉ tính riêng vốn đăng ký mới năm 2024 đã tương đương 42% tổng vốn đầu tư lũy kế (tổng các dự án còn hiệu lực) của Thổ Nhĩ Kỳ tại Việt Nam tính đến thời điểm hiện tại.

Tốp 8 đối tác có số vốn FDI đăng ký mới nhiều nhất tại Việt Nam năm 2024

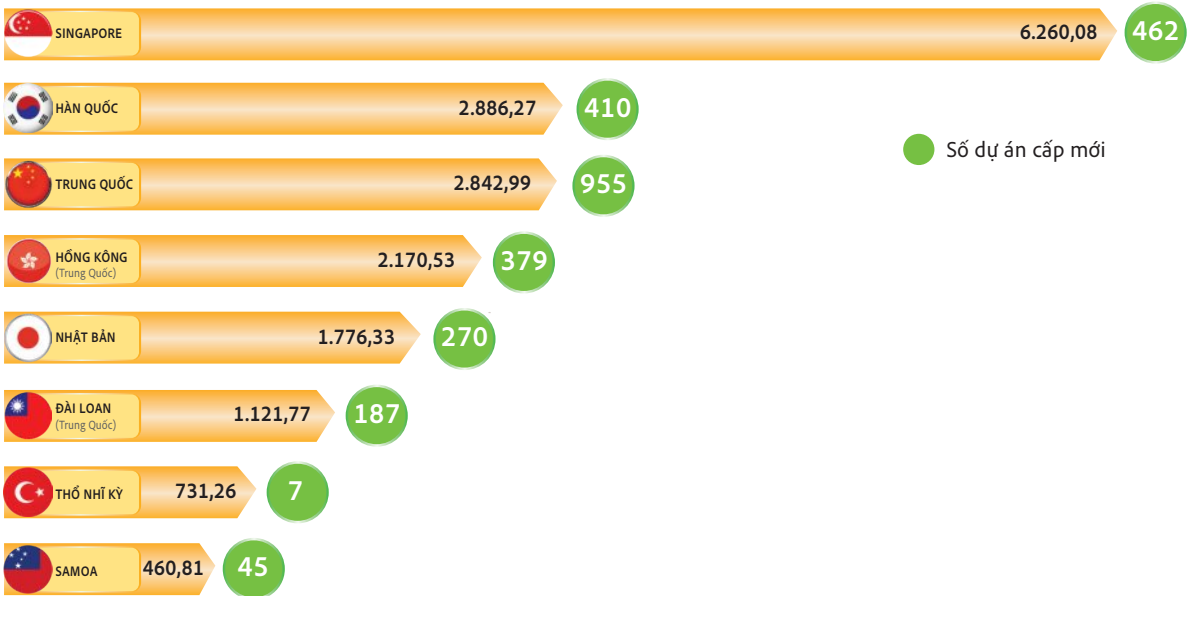

(Đơn vị: triệu USD)

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Đón sóng đầu tư nước ngoài vào Việt Nam

Những tín hiệu tích cực từ năm 2024

Năm 2024, mặc cho số liệu tổng vốn đầu tư nước ngoài giảm nhẹ so với năm 2023 (3%), theo đánh giá của nhiều chuyên gia, triển vọng thu hút đầu tư của Việt Nam có nhiều dấu hiệu tích cực.

Thứ nhất, với tổng vốn đầu tư mở rộng từ các dự án đang hoạt động đạt mức tăng trưởng ấn tượng 50,4%, với 13,96 tỷ USD, các nhà đầu tư hiện hữu đang cho thấy niềm tin mạnh mẽ của họ vào tiềm năng phát triển dài hạn của Việt Nam.

Thứ hai, trong khi tổng vốn đăng ký mới trong năm 2024 giảm 7,6% so với năm 2023, số lượng dự án cấp mới vẫn tăng nhẹ 1,8%, cho thấy Việt Nam vẫn là điểm đến hấp dẫn đối với các nhà đầu tư quốc tế. Sự sụt giảm về lượng vốn đăng ký có thể chỉ phản ánh chiến lược thăm dò thị trường của các nhà đầu tư thông qua các dự án nhỏ trước khi mở rộng quy mô hoạt động trong tương lai.

Thứ ba, việc vốn giải ngân thực tế thiết lập mức kỷ lục mới (với 25,35 tỷ USD, tăng 9,4% so với năm 2023) rõ ràng đang cho thấy các dự án FDI đã đăng ký đang được triển khai một cách hiệu quả, tạo động lực cho sự phát triển kinh tế trong giai đoạn sắp tới.

Cuối cùng, năm 2024 cũng chứng kiến xu hướng nguồn vốn đầu tư nước ngoài đi vào các các ngành công nghệ cao, năng lượng... Dự án Hệ thống thông minh tại KCN Bắc Tiền Phong (Deep C) và Dự án sản phẩm giải trí thông minh tại khu công nghiệp Sông Khoai AMATA của Tập đoàn Foxconn (Đài Loan), hay Dự án tấm silic đơn tinh thể và thanh silic đơn tinh thể quang điện Gokin Solar Hải Hà Việt Nam của các nhà đầu tư Hồng Kông (Trung Quốc)... là những ví dụ điển hình.

Triển vọng thu hút FDI trong thời gian tới

Theo nhiều chuyên gia, Việt Nam đang đứng trước những cơ hội lớn để đón nhận thêm nhiều làn sóng đầu tư mới nhờ vào các Hiệp định thương mại tự do (FTA) với Israel và UAE.

Cụ thể, từ tháng 10/2024, FTA giữa Việt Nam và Israel (VIFTA) đã chính thức được đưa vào thực thi, mở ra triển vọng thu hút đầu tư (đặc biệt là trong các lĩnh vực công nghệ cao, nông nghiệp hiện đại...) từ đối tác FTA có trình độ phát triển công nghệ hàng đầu thế giới như Israel.

Song song với đó, việc ký kết Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Việt Nam – UAE (Việt Nam – UAE CEPA) cũng đem đến kỳ vọng về việc tăng cường hợp tác đầu tư giữa hai nước trong nhiều lĩnh vực chiến lược như cảng biển, logistics, cơ sở hạ tầng và đặc biệt là năng lượng tái tạo... Tiềm năng hợp tác này là hoàn toàn có cơ sở khi UAE hiện đang sở hữu nhiều quỹ đầu tư FDI có quy mô lớn nhất thế giới như Cơ quan Đầu tư Abu Dhabi (quỹ đầu tư lớn thứ tư trên thế giới), Tập đoàn Đầu tư Dubai (thứ 12); Công ty Đầu tư Mubadala (thứ 13); Công ty Phát triển Abu Dhabi (thứ 16) và Cơ quan Đầu tư Emirates (lớn thứ 20 trên thế giới)...

Triển vọng thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghệ cao

Cuối năm 2024, một sự kiện lớn đánh dấu bước đi quan trọng của Việt Nam trong chuẩn bị nguồn nhân lực và hạ tầng kỹ thuật thu hút đầu tư trong lĩnh vực chip bán dẫn và trí tuệ nhân tạo (AI) đã diễn ra, thu hút sự quan tâm của giới công nghệ và đầu tư cả trong nước và thế giới. Cụ thể, ngày 05/12/2024, Việt Nam và NVIDIA - tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới – đã công bố kế hoạch hợp tác thành lập Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển AI (VRDC) và Trung tâm Dữ liệu AI ở Việt Nam. Hai trung tâm này được dự kiến sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong nhiều lĩnh vực trọng yếu như y tế, giáo dục, giao thông và tài chính, đồng thời đào tạo nhân tài AI cho Việt Nam.

Sự kiện này đánh dấu một cột mốc quan trọng, không chỉ nâng tầm vị thế của Việt Nam trong lĩnh vực công nghệ mà còn mở ra cơ hội thu hút thêm nhiều nhà đầu tư chiến lược, góp phần đưa Việt Nam tiến xa hơn trên bản đồ công nghệ toàn cầu.

Với những kết quả và dự báo tích cực trong thu hút FDI, Việt Nam đang từng bước khẳng định vị thế là điểm đến đầu tư hàng đầu khu vực. Những bước đi mới trong việc ký kết FTA và thúc đẩy các sáng kiến hợp tác với các tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới (như NVIDIA) hứa hẹn sẽ tạo ra nhiều cơ hội mới trong thu hút FDI vào Việt Nam, từ đó tạo động lực thúc đẩy sự chuyển mình mạnh mẽ của nền kinh tế nước ta.

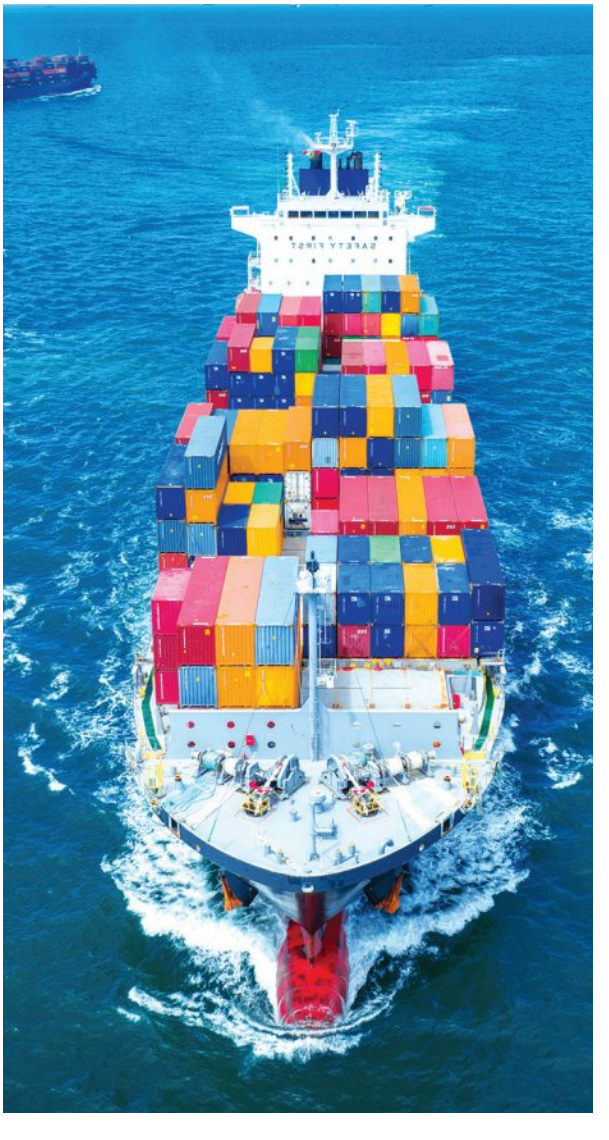

Thêm nhiều tin vui cho rau quả xuất khẩu của Việt Nam

Trong bức tranh xuất khẩu tích cực của năm 2024, ngành rau quả tiếp tục là một điểm sáng nổi bật với thành tích xuất khẩu ấn tượng 7,15 tỷ USD, tăng 27,6% so với cùng kỳ năm trước (Tổng cục Hải quan, 2024). Trong đó, xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc – thị trường tiêu thụ lớn nhất của Việt Nam (chiếm gần 65% tổng xuất khẩu rau quả của nước ta) ghi nhận mức tăng trưởng 27,3%, đạt 4,63 tỷ USD. Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang một số thị trường trọng điểm khác cũng đạt những thành tích ấn tượng, như Hàn Quốc tăng 39,6%, Nhật Bản tăng 15,3%, Hoa Kỳ tăng 39,8%... Kết quả này có sự đóng góp ấn tượng của các loại trái cây như bưởi tươi, sầu riêng đông lạnh, dừa tươi - những sản phẩm mới được cấp phép xuất khẩu chính ngạch sang Hàn Quốc và Trung Quốc trong nửa cuối năm 2024.

Hàn Quốc cho phép nhập khẩu bưởi tươi Việt Nam từ tháng 8/2024, đưa bưởi trở thành loại trái cây tươi thứ ba được phép xuất khẩu vào thị trường này (sau thanh long và xoài). Tuy nhiên để có thể chính thức bước chân vào thị trường Hàn Quốc, trái bưởi Việt Nam phải đáp ứng nhiều quy định nghiêm ngặt. Cụ thể, các vùng sản xuất và cơ sở đóng gói bưởi phải được đăng ký và chịu sự quản lý, giám sát của Cục Bảo vệ thực vật – Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam; bưởi phải được xử lý nhiệt hơi theo đúng nhiệt độ và thời gian quy định dưới sự giám sát của cán bộ kiểm dịch thực vật Việt Nam và Hàn Quốc; trái bưởi không được nhiễm 20 loài sinh vật gây hại, đặc biệt là 6 loài nguy hiểm (gồm Bactrocera carambolae, Bactrocera correcta, Bactrocera cucurbitae, Bactrocera dorsalis, Prays endocarpa, Citripestis sagittiferella)... Để hỗ trợ doanh nghiệp nắm rõ các yêu cầu liên quan, Cục Bảo vệ thực vật đã ban hành Công văn số 1628/BVTV-HTQT hướng dẫn về điều kiện xuất khẩu quả bưởi tươi từ Việt Nam sang Hàn Quốc.

Cũng trong tháng 8/2024, xuất khẩu rau quả của Việt Nam tiếp tục đón nhận những tin vui khi 02 Nghị định thư quan trọng là (i) Nghị định thư về kiểm tra, kiểm dịch thực vật và an toàn thực phẩm đối với sầu riêng đông lạnh và (ii) Nghị định thư về yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với dừa tươi xuất khẩu từ Việt Nam sang Trung Quốc[1] chính thức được ký kết và có hiệu lực vào ngày 19/8/2024.

Theo các Nghị định thư, sầu riêng đông lạnh và dừa tươi của Việt Nam sẽ được nhập khẩu qua tất cả các cửa khẩu được Hải quan Trung Quốc cho phép nếu đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật được yêu cầu. Cụ thể, sầu riêng đông lạnh phải được duy trì mức nhiệt độ lõi từ -18°C trở xuống, đảm bảo không bị thối hỏng, không nhiễm tạp chất và các vi sinh vật gây bệnh; vùng trồng nguyên liệu phải được đăng ký và chịu sự quản lý, giám sát chặt chẽ; Việt Nam phải kiểm tra cơ sở sản xuất, chế biến, bảo quản sầu riêng và giới thiệu những doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn cho Trung Quốc... Đối với dừa tươi, tất cả các vùng trồng và cơ sở đóng gói dừa tươi phải được đăng ký và phê duyệt; các vườn trồng phải xây dựng hệ thống quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc và phải áp dụng chương trình quản lý dịch hại tổng hợp (gồm quản lý dịch hại thường xuyên, phòng trừ dịch hại bằng các biện pháp vật lý, hóa học...); cơ sở đóng gói cũng phải xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc để đảm bảo có thể truy xuất đến vùng trồng đã đăng ký...

Xuất khẩu trái cây của Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng trong thời gian sắp tới khi Việt Nam và Hoa Kỳ vừa hoàn tất đàm phán kỹ thuật để xuất khẩu chanh leo tươi. Hiện hai bên đang tiến hành các thủ tục pháp lý cần thiết để có thể chính thức đưa chanh leo Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ vào năm 2025.

Có thể thấy, con đường xuất khẩu rau quả của Việt Nam đang ngày càng rộng mở với nhiều hơn các "tấm vé thông hành" ra thị trường thế giới. Tuy nhiên, trên chặng đường chinh phục thị trường xuất khẩu của nông sản Việt cũng cần sự cố gắng và nỗ lực lớn từ phía doanh nghiệp trong việc đảm bảo tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về kỹ thuật, yêu cầu an toàn thực phẩm, kiểm dịch thực vật mà đối tác đặt ra, qua đó tận dụng tối đa cơ hội tiếp cận thị trường mà chúng ta đã vất vả đạt được.

[1] *Ngoài 02 Nghị định thư kể trên, Việt Nam và Trung Quốc còn ký kết Nghị định thư về yêu cầu kiểm dịch và sức khỏe đối với cá sấu nuôi xuất khẩu từ Việt Nam sang Trung Quốc*

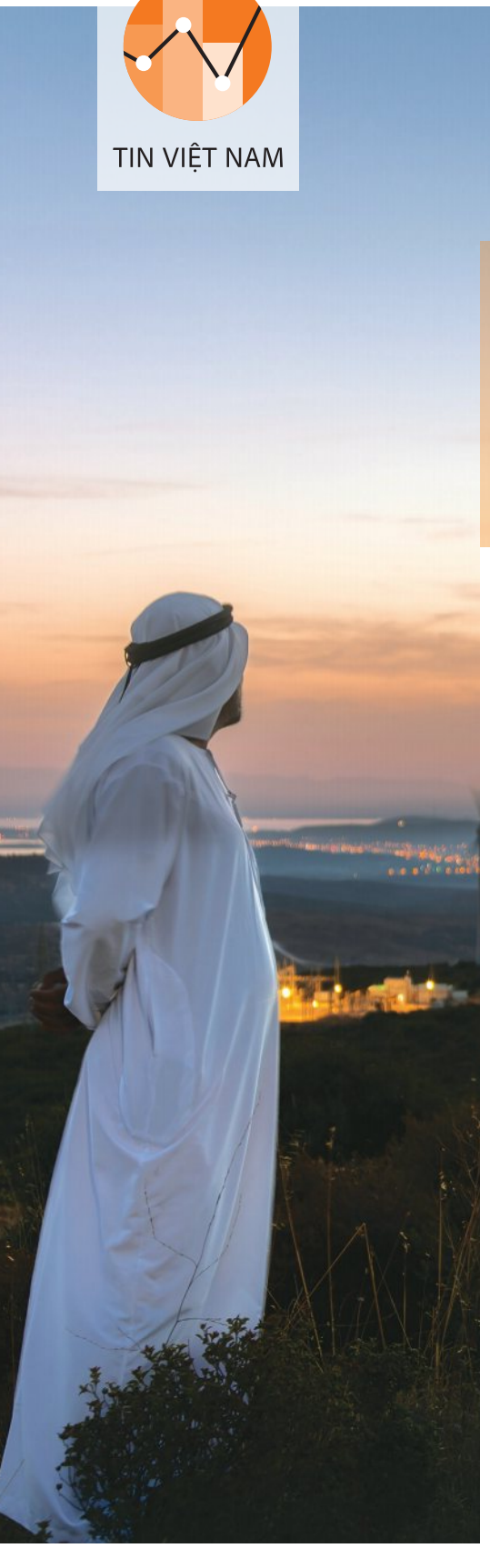

Rộng đường cho xuất khẩu Việt Nam vào Trung Đông

Việt Nam – UAE CEPA chính thức được ký kết

Ngày 28/10/2024, Việt Nam và Các tiểu Vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE) đã chính thức ký kết Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện Việt Nam – UAE (Việt Nam – UAE CEPA), chỉ hơn một năm sau khi khởi động đàm phán (tháng 6/2023). Điều này cho thấy quyết tâm và nỗ lực rất lớn trong việc thiết lập và mở rộng mối quan hệ hợp tác kinh tế giữa hai bên.

Về nội dung, Việt Nam – UAE CEPA gồm 18 Chương, 15 Phụ lục và 2 Thư song phương với các cam kết bao trùm nhiều vấn đề, từ thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư, quy tắc xuất xứ, hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (TBT), các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS), hải quan, phòng vệ thương mại đến mua sắm công, sở hữu trí tuệ, pháp luật – thể chế. Với nội dung toàn diện, CEPA được kỳ vọng sẽ tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy thương mại – đầu tư cũng như phát huy tối đa tiềm năng trong mối quan hệ song phương giữa hai bên.

Về thương mại, UAE từ lâu đã là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam tại khu vực Trung Đông với kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng ấn tượng theo thời gian, từ 508 triệu USD (năm 2010) lên đến 4,01 tỷ USD (năm 2023). Tuy nhiên, trong bản đồ xuất khẩu của Việt Nam, thị trường UAE mới chỉ chiếm vị trí rất khiêm tốn (chỉ khoảng 1,14% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam ra thế giới). Tương tự, trong so sánh với tổng giá trị nhập khẩu của UAE, thị phần của Việt Nam cũng còn quá nhỏ bé (chỉ khoảng 2,35% theo số liệu năm 2023 của ITC Trademap). Trên thực tế, UAE có nhu cầu cao đối với các sản phẩm may mặc, giày dép, rau quả... - những mặt hàng Việt Nam có thế mạnh, điều này cho thấy dư địa để Việt Nam mở rộng xuất khẩu sang UAE còn rất lớn.

Với cam kết xóa bỏ thuế quan theo lộ trình đối với 99% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam, Việt Nam – UAE CEPA được kỳ vọng sẽ tạo bước đột phá cho xuất khẩu của nước ta sang thị trường tiềm năng này. Trong đó, các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam gồm nông sản (điều, tiêu, mật ong...), thủy sản, dệt may, da giày, gỗ và các sản phẩm gỗ... được dự báo sẽ hưởng lợi nhiều nhất từ CEPA bởi các cam kết xóa bỏ thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Quan trọng hơn, CEPA còn được xem là chìa khóa giúp Việt Nam tiếp cận gần hơn với các thị trường Trung Đông khác (như Arab Saudi, Qatar, Kuwait...) và rộng hơn là các nước khu vực châu Phi thông qua "cửa ngõ" quan trọng UAE.

Ngoài thương mại, Việt Nam – UAE CEPA còn được kỳ vọng mở ra cơ hội tăng cường hợp tác đầu tư giữa hai nước trong nhiều lĩnh vực chiến lược như cảng biển, logistics, cơ sở hạ tầng và đặc biệt là năng lượng tái tạo... Tiềm năng hợp tác này là hoàn toàn có cơ sở khi UAE hiện đang sở hữu nhiều quỹ đầu tư FDI có quy mô lớn nhất thế giới như Cơ quan Đầu tư Abu Dhabi (quỹ đầu tư lớn thứ tư trên thế giới), Tập đoàn Đầu tư Dubai (thứ 12); Công ty Đầu tư Mubadala (thứ 13); Công ty Phát triển Abu Dhabi (thứ 16) và Cơ quan Đầu tư Emirates (lớn thứ 20 trên thế giới)...

Tuy nhiên, cơ hội từ Việt Nam – UAE CEPA cũng đi kèm với những thách thức không nhỏ. Thứ nhất, UAE là thị trường có độ mở lớn, mức độ tự do hóa cao (với rất ít các rào cản thuế quan), do đó khi tiếp cận thị trường UAE, hàng hóa Việt Nam sẽ phải cạnh tranh trực tiếp với hàng hóa từ nhiều nguồn cung khác nhau trên thế giới, trong đó có những nước có cơ cấu sản phẩm xuất khẩu khá tương đồng với Việt Nam và cũng đã ký kết FTA với UAE như Ấn Độ, Indonesia... Thứ nữa, UAE là quốc gia hồi giá, do đó yêu cầu đối với nhiều loại hàng hóa tại thị trường này khá đặc thù. Ví dụ, UAE đặt ra yêu cầu bắt buộc về cung cấp Chứng nhận Halal đối với các sản phẩm thực phẩm, đồ uống, thời trang... Do đó, để có thể xuất khẩu sang UAE, doanh nghiệp cần tìm hiểu rất kỹ để đáp ứng đầy đủ các quy định có phần đặc thù của thị trường này.

Triển khai thực thi VIFTA

Ngoài UAE, Việt Nam cũng đã ký kết FTA với một đối tác quan trọng khác thuộc khu vực Trung Đông là Israel. Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Israel (VIFTA) ký ngày 23/7/2023 và chính thức có hiệu lực từ ngày 15/10/2024, mở ra một chương mới trong quan hệ hợp tác kinh tế giữa hai nước.

VIFTA cũng được đánh giá là một Hiệp định khá toàn diện với tổng cộng 15 Chương, gồm các cam kết bao trùm nhiều lĩnh vực: thương mại hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, quy tắc xuất xứ, TBT, SPS, hải quan, phòng vệ thương mại, mua sắm chính phủ, pháp lý - thể chế. Việc thực thi VIFTA được kỳ vọng sẽ thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động trao đổi thương mại và thu hút đầu tư (đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ cao) từ quốc gia có trình độ phát triển công nghệ hàng đầu như Israel.

Mặc dù tình hình chiến sự ở Trung Đông hiện đang phức tạp khiến giao thương với Israel gặp nhiều thách thức, trong tương lai lâu dài, VIFTA chắc chắn sẽ là con đường ưu tiên để tăng tốc thương mại, đầu tư giữa Việt Nam với nền kinh tế đặc biệt năng động này.

Từ góc độ thương mại, Israel hiện là đối tác xuất khẩu lớn thứ tư của Việt Nam tại Trung Đông (sau UAE, Thổ Nhĩ Kỳ và Arabia Saudi). Dù vậy, tiềm năng xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường này vẫn còn rất lớn bởi thị phần hàng hóa Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Israel vẫn còn rất khiêm tốn, chỉ chiếm khoảng 1,27%. Ngoài ra, thành tích xuất khẩu của Việt Nam sang Israel cũng không mấy khả quan trước khi VIFTA được ký kết, chỉ tăng nhẹ 1,5% từ 774 triệu USD năm 2018 đến 785,7 triệu USD năm 2022, sau đó lại giảm mạnh gần 20% trong năm 2023, chỉ đạt 631,3 triệu USD (số liệu của Tổng cục Hải quan).

Thực tế cho thấy nguyên nhân khiến xuất khẩu của Việt Nam sang Israel thời gian trước chưa có sự bứt phá là do rào cản thuế quan tại thị trường này còn khá cao. Với VIFTA, Israel cam kết xóa bỏ ngay khi Hiệp định có hiệu lực với 66,3% số dòng thuế của Việt Nam và tỷ lệ này sẽ được nâng lên 92,7% khi kết thúc lộ trình (sau 10 năm). Các ưu đãi này được kỳ vọng sẽ giúp xuất khẩu Việt Nam vượt qua rào cản lớn nhất ở thị trường Israel, qua đó có tăng trưởng bứt phá ở thị trường này. Trên thực tế, xuất khẩu của Việt Nam sang Israel trong 3 tháng đầu thực thi VIFTA (Quý IV/2024) đã có sự tăng trưởng ấn tượng, đạt mức 40,7% so với cùng kỳ năm 2023.

Tính chung cả năm 2024, kim ngạch xuất khẩu sang Israel ghi nhận thành tích kỷ lục, đạt 794,6 triệu USD, tăng 25,9% so với năm trước. Nhiều mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam gồm điện thoại, thủy sản, dệt may, giày dép, điều, cà phê được hưởng lợi nhiều nhất từ việc dỡ bỏ thuế quan theo Hiệp định, do đó đây cũng là những mặt hàng có tăng trưởng xuất khẩu tốt nhất sang thị trường Israel sau khi VIFTA có hiệu lực (tăng từ 16,4%-45,6%).

Ở chiều nhập khẩu, Israel vốn là một trong những nguồn cung máy móc, thiết bị công nghệ uy tín trên thế giới, đây cũng là nhóm hàng Việt Nam nhập khẩu chủ yếu từ quốc gia này (chiếm 94,2% tổng giá trị nhập khẩu của Việt Nam từ Israel – số liệu của ITC Trademap năm 2023). Theo số liệu của ITC Trademap, giá trị nhập khẩu máy móc, thiết bị của Việt Nam từ Israel cũng có sự tăng trưởng ấn tượng trong vài năm trở lại đây, tăng gần 9 lần từ 220 triệu USD năm 2019 lên đến 1,93 tỷ USD năm 2023. Khi VIFTA có hiệu lực, với cam kết xóa bỏ thuế quan theo lộ trình với tổng cộng 85,8% số dòng thuế từ Israel, doanh nghiệp và người tiêu dùng Việt Nam sẽ có cơ hội tiếp cận và sử dụng các sản phẩm máy tính, thiết bị điện tử, các loại máy móc hiện đại... với chất lượng cao và giá thành cạnh tranh hơn từ Israel – quốc gia nổi tiếng với nền công nghiệp công nghệ cao, quy tụ các công ty hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất, phát triển khoa học công nghệ như StoreDot, Mobileye, Cortica...

Tuy nhiên, cũng tương tự như CEPA với UAE, hiện thực hóa các cơ hội từ VIFTA cũng không phải chuyện dễ dàng. Thứ nhất, Israel cũng là thị trường khá đặc thù, nhất là từ góc độ thói quen và yêu cầu của người tiêu dùng. Ví dụ, các sản phẩm thực phẩm nhập khẩu vào Israel thường được nhà nhập khẩu yêu cầu phải có Chứng nhận Kosher – một hệ tiêu chuẩn về thực phẩm của người Do Thái. Mặc dù đây không phải quy định bắt buộc về mặt pháp lý của Israel đối với thực phẩm nhập khẩu, hầu hết các siêu thị, nhà hàng, khách sạn... sẽ từ chối sản phẩm nếu không có chứng nhận này. Thứ hai, Israel là khu vực thường xuyên xảy ra xung đột, điều này có thể ảnh hưởng lớn tới dòng lưu chuyển hàng hóa cũng như hoạt động kinh doanh với Israel. Do đó, để tận dụng hiệu quả các cơ hội từ VIFTA, doanh nghiệp cần phải đặc biệt quan tâm tới các yêu cầu đặc thù của thị trường cũng như có các giải pháp ứng phó linh hoạt với các diễn biến bất ngờ.

Doanh nghiệp có thể tham khảo thông tin về Việt Nam – UAE CEAP và VIFTA trên website của Trung tâm WTO và Hội nhập – VCCI theo đường dẫn sau:

https://trungtamwto.vn/fta

(Website www.trungtamwto.vn (tiếng Việt) và www.wtocenter.vn (tiếng Anh) >> Mục FTA)

CPTPP có hiệu lực với Anh - Cơ hội mới cho thương mại và đầu tư Việt Nam

Tháng 3/2023, Vương quốc Anh và Bắc Ailen (gọi chung là Anh) đã hoàn tất đàm phán gia nhập Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), trở thành thành viên mới đầu tiên của Khu vực thương mại tự do đã có hiệu lực từ năm 2019 này. Tính đến hết năm 2024, đã có tổng cộng 10 nước thành viên phê chuẩn Văn kiện gia nhập CPTPP của Anh (bao gồm Anh, Nhật Bản, Singapore, Chile, New Zealand, Việt Nam, Peru, Malaysia, Brunei và Australia), đủ điều kiện để Văn kiện này chính thức có hiệu lực thực thi trên thực tế với các nước đã phê chuẩn.

Việc Anh chính thức gia nhập CPTPP được kỳ vọng sẽ đem lại những cơ hội mới cho hoạt động xuất khẩu hàng hóa của các nước thành viên CPTPP sang thị trường Anh. Trên thực tế, trước CPTPP, Anh đã có FTA song phương với hầu hết các nước thành viên CPTPP (trừ Brunei và Malaysia). Tuy nhiên, trong CPTPP, Anh đưa ra mức mở cửa thị trường với cam kết cắt giảm thuế quan tốt hơn nhiều so với các FTA song phương hiện có. Việc CPTPP đi vào thực thi với Anh mở ra một lựa chọn mới cho hàng hóa của các nước thành viên để tiếp cận thị trường này. Đáng chú ý, mặc dù CPTPP có hiệu lực với Anh từ 2024, Anh cam kết sẽ thực hiện Biểu cắt giảm thuế quan với năm đầu tiên (Year 1) tính từ 2023. Như vậy, lộ trình cắt giảm thuế quan của Anh sẽ bước ngay sang năm thứ 3 vào năm 2025 với thêm nhiều dòng thuế được xóa bỏ theo lộ trình 03 năm này.

Ngoài lợi ích về cắt giảm thuế quan, việc Anh gia nhập CPTPP còn thúc đẩy cơ hội để 12 nước thành viên cùng tham gia vào các chuỗi cung ứng của nhau, điều này càng đặc biệt có ý nghĩa trong bối cảnh chuỗi cung ứng toàn cầu đang chịu nhiều tổn thương trước những biến động khó lường của chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh...

Đối với Việt Nam, việc thực thi CPTPP với sự tham gia của Anh đánh dấu một cột mốc mới trong quan hệ thương mại và đầu tư giữa hai nước. *Từ góc độ thương mại*, CPTPP được nhận định sẽ góp phần thúc đẩy hơn nữa hoạt động xuất khẩu của Việt Nam và Anh nhờ các cam kết thuế có phần ưu đãi hơn so với UKVFTA – hiệp định thương mại tự do song phương mà Việt Nam và Anh đã thực thi từ năm 2021. Cụ thể, Anh cam kết sẽ xóa bỏ 94,4% số dòng thuế cho Việt Nam ngay khi CPTPP có hiệu lực (tức ngày 15/12/2024) và tỷ lệ này sẽ tăng lên 99,83% khi kết thúc lộ trình vào năm 2033, trong khi với UKVFTA, Anh chỉ cam kết xóa bỏ 85,6% số dòng thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực và xóa bỏ 99,2% số dòng thuế khi kết thúc lộ trình. Không chỉ lộ trình mà mức độ cam kết mở cửa của Anh trong CPTPP cũng tốt hơn UKVFTA ở nhiều dòng thuế. Ví dụ, cá ngừ của Việt Nam sẽ được xóa bỏ thuế quan (ngay khi Hiệp định có hiệu lực hoặc sau 7 năm tùy sản phẩm cụ thể) khi xuất khẩu sang Anh, thay vì chỉ được miễn thuế trong hạn ngạch 11.500 tấn/năm theo cam kết của UKVFTA...

Nếu chỉ xét riêng trong CPTPP, theo đánh giá của các chuyên gia, nhiều mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam như gạo, thủy sản... cũng được hưởng những ưu đãi tốt hơn các thành viên CPTPP khác khi tiếp cận thị trường này. Ví dụ, gạo xát hạt dài của Việt Nam sẽ được hưởng hạn ngạch thuế quan với khối lượng tăng dần, tăng từ 5.354 tấn/năm 2024 lên 7.378 tấn/năm 2025 và đạt mức 17.500 tấn/năm (kể từ năm 2030 trở đi) – lượng hạn ngạch này cao gần gấp đôi so với cam kết mà Anh dành cho các nước khác.

Từ khía cạnh thu hút đầu tư nước ngoài, CPTPP cũng được cho là tạo thêm động lực cho các hoạt động đầu tư từ Anh vào Việt Nam. Cụ thể, trong CPTPP, các nước cam kết mở cửa thị trường dịch vụ, đầu tư theo phương pháp "chọn – bỏ" – tức là trừ các trường hợp bảo lưu được liệt kê trong Danh mục các biện pháp không tương thích, các nước thành viên CPTPP (trong đó có Việt Nam) phải mở cửa toàn bộ, không có bất kỳ hạn chế nào với các nước đối tác (trong đó có Anh). So với phương thức "chọn – cho" mà Việt Nam cam kết trong UKVFTA (chỉ mở cửa thị trường dịch vụ, đầu tư theo đúng Danh mục), mở cửa thị trường theo CPTPP được xem là rộng hơn, tự do hơn, dễ dự đoán và minh bạch hơn cho các đối tác Anh, từ đó tạo tiền đề thúc đẩy đầu tư từ Anh vào Việt Nam trong nhiều lĩnh vực. Đó là chưa kể tới cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế (ISDS) trong CPTPP được cho là linh hoạt và có lợi cho nhà đầu tư trong khi UKVFTA không bao gồm cơ chế này.

Như vậy, với CPTPP chính thức có hiệu lực với Anh, hoạt động trao đổi thương mại cũng như thu hút FDI từ Anh vào Việt Nam trong thời gian sắp tới được kỳ vọng sẽ có thêm động lực tích cực mới.

Doanh nghiệp có thể tham khảo thêm thông tin về **Văn kiện gia nhập CPTPP của Anh** trên website của Trung tâm WTO và Hội nhập – VCCI theo đường dẫn sau: https://trungtamwto.vn/chuyen-de/27869-van-kien-anh-gia-nhap-cptpp

(Website www.trungtamwto.vn (tiếng Việt) và www.wtocenter.vn (tiếng Anh) >> FTA >> CPTPP >> Nội dung Hiệp định)

Hoa Kỳ chưa công nhận nền kinh tế thị trường của Việt Nam

Ngày 02/8/2024, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (USDOC) đã đưa ra quyết định về việc tiếp tục phân loại Việt Nam là nền kinh tế phi thị trường sau hơn một năm xem xét. Trong quyết định này, mặc dù ghi nhận nhiều chuyển biến tích cực của nền kinh tế Việt Nam thời gian qua, Hoa Kỳ vẫn từ chối đề nghị thay đổi tình trạng kinh tế phi thị trường của Việt Nam. Quyết định này đồng nghĩa với việc hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam nếu bị Hoa Kỳ điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp sẽ tiếp tục phải chịu các kết quả bất lợi bởi USDOC sẽ sử dụng các giá trị thay thế từ một quốc gia thứ ba được Hoa Kỳ công nhận là kinh tế thị trường thay vì dựa trên các chi phí thực tế của doanh nghiệp Việt Nam khi tính toán biên độ phá giá/trợ cấp.

Trong hơn hai thập kỷ qua kể từ khi Hoa Kỳ lần đầu không công nhận Việt Nam là nền kinh tế thị trường (trong vụ điều tra chống bán phá giá cá tra-basa), nền kinh tế Việt Nam đã có nhiều thay đổi và phát triển vượt bậc. Theo các tài liệu phía Việt Nam gửi đến USDOC kèm theo các bằng chứng xác thực, những thay đổi được thể hiện trên cả 06 tiêu chí mà USDOC sử dụng để đánh giá một nền kinh tế thị trường, bao gồm (i) mức độ chuyển đổi của đồng tiền; (ii) vấn đề đàm phán tiền lương, tiền công giữa người lao động và người sử dụng lao động; (iii) mức độ đầu tư nước ngoài vào các hoạt động kinh tế; (iv) vấn đề sở hữu nhà nước, sở hữu tư nhân; (v) mức độ kiểm soát và (vi) các yếu tố khác.

Trước kết luận của USDOC, Việt Nam khẳng định sẽ tiếp tục nghiên cứu và phân tích các lập luận từ phía Hoa Kỳ trong Báo cáo đánh giá nền kinh tế Việt Nam, từ đó bổ sung và hoàn thiện các lập luận và tài liệu chứng minh để tiếp tục gửi hồ sơ yêu cầu USDOC xem xét quy chế kinh tế thị trường cho Việt Nam. Nỗ lực vận động Hoa Kỳ công nhận nền kinh tế thị trường của Việt Nam là hoàn toàn có cơ sở, không chỉ dựa trên thực tế phát triển của Việt Nam mà còn từ sự công nhận của 73 nền kinh tế khác nhau trên thế giới, trong đó có nhiều nền kinh tế lớn như Anh, Canada, Australia, Nhật Bản, Hàn Quốc...

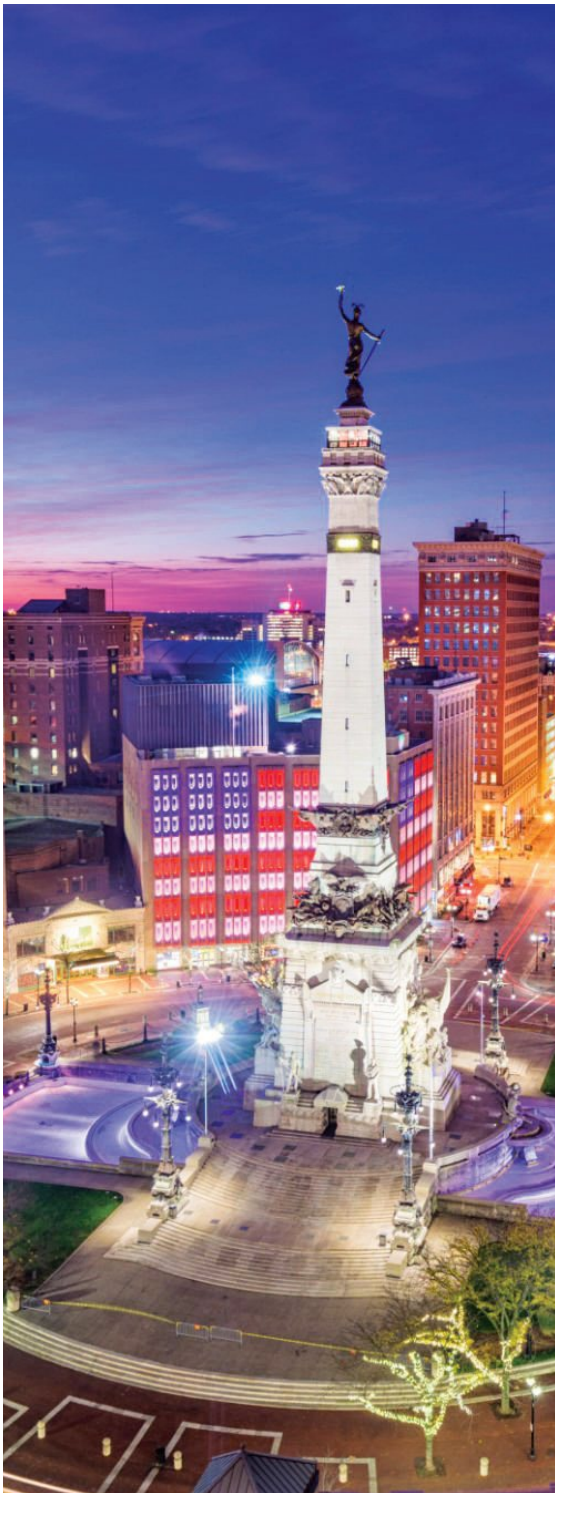

Sau khi Việt Nam và Hoa Kỳ nâng cấp quan hệ lên Đối tác Chiến lược Toàn diện, Việt Nam đã gửi Đơn yêu cầu Hoa Kỳ rà soát thay đổi hoàn cảnh để xem xét lại vấn đề kinh tế thị trường của Việt Nam trong khuôn khổ Vụ điều tra chống bán phá giá đối với mật ong Việt Nam. Cuối tháng 10/2023, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (USDOC) đã ra thông báo chính thức về việc khởi xướng rà soát này.

Trong quá trình xem xét, USDOC nhận được nhiều bản đệ trình, bình luận nêu ý kiến ủng hộ yêu cầu của Việt Nam từ nhiều tổ chức, doanh nghiệp ở cả Hoa Kỳ và Việt Nam. Tuy nhiên, trong kết luận ngày 2/8/2024 của USDOC, Hoa Kỳ vẫn quyết định chưa công nhận Việt Nam là nền kinh tế thị trường. Theo đó, Việt Nam tiếp tục nằm trong danh sách 12 quốc gia bị Hoa Kỳ phân loại là nền kinh tế phi thị trường trong các vụ việc chống bán phá giá, chống trợ cấp (bên cạnh Trung Quốc, Nga và 9 nước khác, chủ yếu thuộc Liên Xô cũ).

Xuất khẩu sang EU ngày càng nhiều thách thức

Tiếp tục siết chặt kiểm soát đối với sầu riêng nhập khẩu của Việt Nam

Ngày 18/12/2024, EU đã ban hành Quy định số 2024/3153 sửa đổi cơ chế áp dụng tạm thời các biện pháp kiểm soát chính thức và khẩn cấp (temporary increase of official controls and emergency measures) đối với nông sản, thực phẩm nhập khẩu vào EU, trong đó có thay đổi theo hướng siết chặt kiểm soát nhập khẩu đối với sầu riêng từ Việt Nam.

Cụ thể, tại Quyết định này, EU đã nâng tần suất kiểm tra thực tế tại cửa khẩu EU đối với sầu riêng của Việt Nam từ 10% lên 20%. Theo EU, việc siết chặt kiểm soát này xuất phát từ việc nhiều lô hàng sầu riêng của Việt Nam bị phát hiện tồn dư các hoạt chất (Carbendazim, Fipronil, Azoxystrobin, và Metalaxyl) vượt mức cho phép, với kết quả từ 0,021 - 6,3 mg/kg trong khi mức dư lượng tối đa (MRL) được EU giới hạn chỉ từ 0,005 - 0,1 mg/kg.

Ngoài ra, Quyết định mới này vẫn duy trì yêu cầu và tần suất kiểm tra đối với đậu bắp, thanh long và ớt nhập khẩu của Việt Nam.

Danh sách các sản phẩm Việt Nam bị biện pháp kiểm soát chính thức và khẩn cấp tại EU		
Tên sản phẩm	**Rủi ro bị kiểm soát**	**Tần suất kiểm tra thực tế tại cửa khẩu**
Sản phẩm thuộc Phụ lục I – Cơ chế kiểm soát tăng cường cấp độ 1 (chỉ chịu kiểm soát thực tế tại cửa khẩu EU)		
Sầu riêng tươi hoặc ướp lạnh	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật	20%
Sản phẩm thuộc Phụ lục II – Cơ chế kiểm soát tăng cường cấp độ 2 (phải có chứng thư kiểm soát trước khi xuất khẩu và chịu kiểm soát thực tế tại cửa khẩu EU)		
Đậu bắp tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật	50%
Thanh long tươi hoặc ướp lạnh	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật	30%
Ớt thuộc chi Capsicum (trừ ớt ngọt), tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật	50%

Nguồn: Quy định số 2019/1793 (sửa đổi bởi Quy định số 2024/3153) của EU

Theo quy định của EU, định kỳ 6 tháng một lần, cơ quan có thẩm quyền sẽ xem xét thực tiễn nhập khẩu (thực tiễn vi phạm) và các nguy cơ liên quan để điều chỉnh các sản phẩm trong các Phụ lục. Do đó, để có thể xuất khẩu sang thị trường EU cũng như làm giảm tần suất/được loại bỏ khỏi danh sách kiểm soát nhập khẩu, các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu nông sản, thực phẩm của Việt Nam cần tăng cường quản lý chất lượng sản phẩm, theo dõi và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nhập khẩu từ phía thị trường này.

Liên tục thay đổi mức dư lượng tối đa (MRL)

Trong năm 2024, EU đã ban hành hơn 20 Quy định sửa đổi các phụ lục của Quy định 396/2005 về mức dư lượng tối đa (MRL) đối với một số chất trong các sản phẩm nông sản, thực phẩm (trong đó có nhiều sản phẩm xuất khẩu thế mạnh của Việt Nam).

Những quy định này sẽ ảnh hưởng đáng kể đến tiêu chuẩn nhiều mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang EU. Do đó, các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu các sản phẩm liên quan cần phải liên tục cập nhật các yêu cầu mới, từ đó có những điều chỉnh cần thiết để có thể tiếp tục xuất khẩu sang thị trường EU.

Triển khai thực thi nhiều tiêu chuẩn xanh mới

Trong năm 2024, EU đã thực thi nhiều quy định mới trong khuôn khổ Thỏa thuận Xanh EU, ảnh hưởng trực tiếp tới hàng hóa nhập khẩu vào thị trường này (bao gồm cả hàng hóa từ Việt Nam).

Nổi bật trong số đó là **Quy định 2024/1781 ngày 13/6/2024 về Thiết kế sinh thái cho các sản phẩm bền vững** (Regulation 2024/1781 establishing a framework for the setting of ecodesign requirements for sustainable products), có hiệu lực vào ngày 18/7/2024.

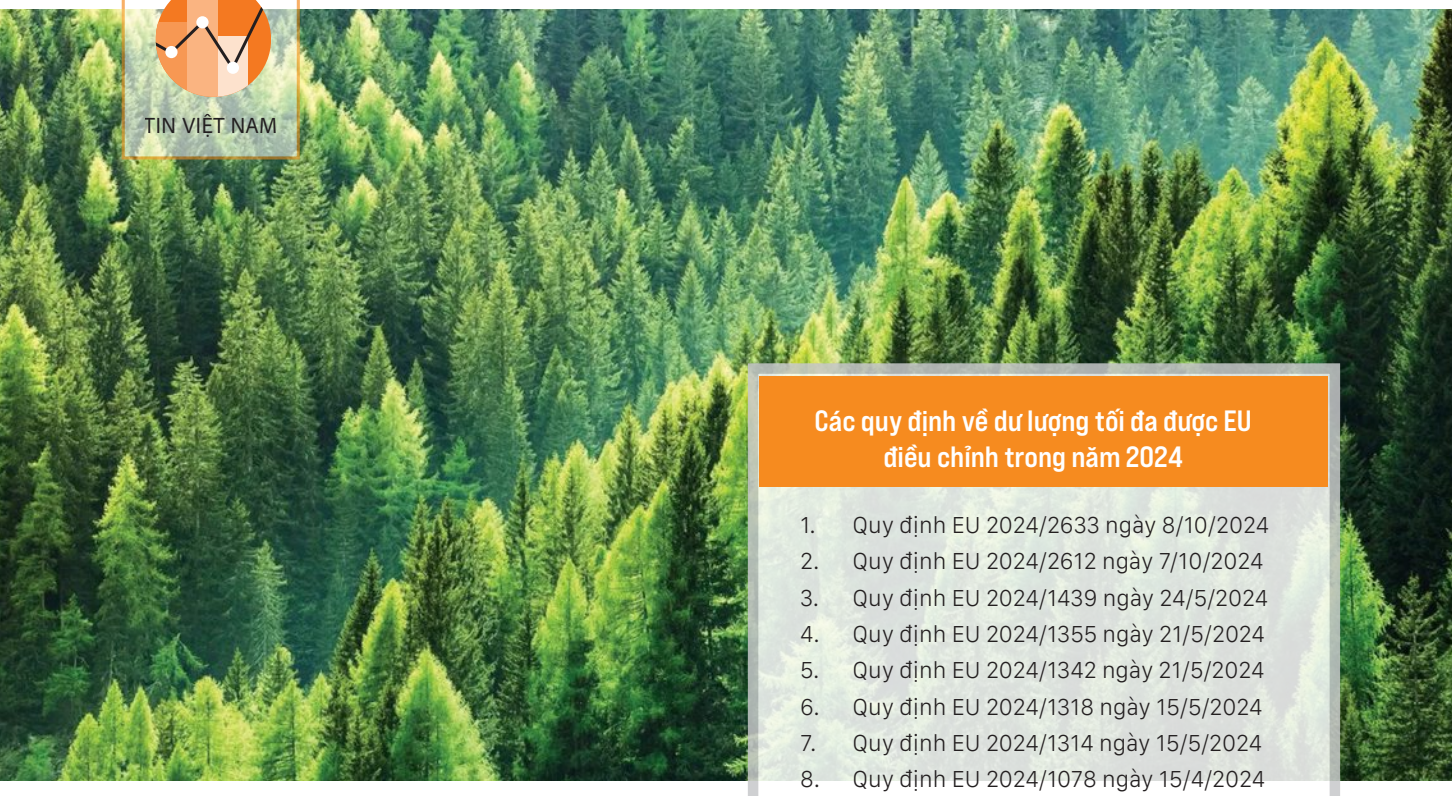

Quy định này thay thế Chỉ thị về Nhãn sinh thái (Ecodesign Directive) trước đây, với mục tiêu thiết lập các yêu cầu, thông tin về thiết kế sinh thái cho tất cả các sản phẩm chế biến chế tạo (trừ thực phẩm, dược phẩm, các loại thức ăn gia súc, động thực vật), thay vì chỉ áp dụng cho các sản phẩm có liên quan đến năng lượng như trước.

Quy định 2024/1781 đặt ra các yêu cầu cụ thể về thiết kế sinh thái theo từng nhóm sản phẩm để thích hợp với đặc điểm vòng đời của mỗi nhóm thông qua các tiêu chí tối thiểu để đảm bảo sản phẩm bền, tin cậy, có thể tái sử dụng, có thể sửa chữa, tiết kiệm năng lượng và có một số bộ phận có thể tái chế. Bên cạnh đó, quy định cũng hướng dẫn các khả năng tân trang, tái chế, khôi phục sản phẩm nhằm giảm thiểu tác động tới môi trường. Đáng chú ý nhất là quy định về "hộ chiếu sản phẩm" dạng số, theo đó mỗi sản phẩm đều phải có một "hộ chiếu" số hóa cho phép tra cứu các thông tin liên quan tới sản phẩm. Hiện EU đang xây dựng các văn bản pháp luật hướng dẫn để cụ thể hóa các yêu cầu khung trong Quy định 2024/1781 này thành các tiêu chuẩn cụ thể cho từng nhóm sản phẩm.

Các quy định về dư lượng tối đa được EU điều chỉnh trong năm 2024

1. Quy định EU 2024/2633 ngày 8/10/2024
2. Quy định EU 2024/2612 ngày 7/10/2024
3. Quy định EU 2024/1439 ngày 24/5/2024
4. Quy định EU 2024/1355 ngày 21/5/2024
5. Quy định EU 2024/1342 ngày 21/5/2024
6. Quy định EU 2024/1318 ngày 15/5/2024
7. Quy định EU 2024/1314 ngày 15/5/2024
8. Quy định EU 2024/1078 ngày 15/4/2024
9. Quy định EU 2024/1077 ngày 15/4/2024
10. Quy định EU 2024/1076 ngày 15/4/2024
11. Quy định EU 2024/891 ngày 22/3/2024
12. Quy định EU 2024/451 ngày 05/02/2024
13. Quy định EU 2024/398 ngày 29/01/2024
14. Quy định EU 2024/376 ngày 24/01/2024
15. Quy định EU 2024/352 ngày 22/01/2024
16. Quy định EU 2024/347 ngày 22/01/2024
17. Quy định EU 2024/345 ngày 22/01/2024
18. Quy định EU 2024/344 ngày 22/01/2024
19. Quy định EU 2024/342 ngày 22/01/2024
20. Quy định EU 2024/341 ngày 22/01/2024
21. Quy định EU 2024/331 ngày 19/01/2024
22. Quy định EU 2024/246 ngày 16/01/2024

Doanh nghiệp có thể tìm hiểu chi tiết các quy định mới của EU về ngưỡng MRL của các chất trong các sản phẩm nông sản, thực phẩm (tính đến hết năm 2024) theo đường dẫn sau:

http://publications.europa.eu/resource/cellar/dbb0741d-b722-11ef-91ed-01aa75ed71a1.0006.02/DOC_1

Hồi đầu năm, EU cũng đã ban hành **Chỉ thị 2024/825 ngày 28/2/2024 về trao quyền cho người tiêu dùng trong thực hiện chuyển đổi xanh** (Empowering Consumers Directive/ Directive 2024/825 as regards empowering consumers for the green transition), có hiệu lực từ 26/3/2024.

Nội dung Chỉ thị bao gồm các sửa đổi pháp luật hiện hành theo hướng gia tăng các yêu cầu về thông tin xanh của sản phẩm mà nhà sản xuất phải tuân thủ nhằm giúp người tiêu dùng EU được thông tin đầy đủ hơn về sản phẩm, từ đó có thể thực hiện các lựa chọn tiêu dùng xanh, thân thiện với môi trường. Cụ thể, nhà sản xuất sẽ phải (i) cung cấp nhiều thông tin chi tiết hơn về độ bền, khả năng sửa chữa và tính bền vững của sản phẩm; (ii) từ bỏ các hành vi dẫn tới tình trạng sản phẩm trở thành lỗi thời sớm và (iii) bảo đảm chỉ sử dụng các nhãn bền vững đã được kiểm chứng.

Liên quan tới **Quy định về chống phá rừng (EUDR**) – văn bản được xem là bản lề trong bảo vệ rừng bền vững của EU, theo kế hoạch ban đầu, các quy định cấm và yêu cầu giải trình về nguồn gốc đất rừng trong EUDR đáng lẽ đã có hiệu lực thực thi từ 30/12/2024. Tuy nhiên, trước các phản ứng mạnh từ không chỉ các nước xuất khẩu vào EU mà còn cả trong nội bộ EU, ngày 14/11/2024, EU đã thông qua đề xuất lùi thời hạn tuân thủ EUDR thêm một năm, tức là từ sau ngày 30/12/2025 (riêng các doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ sẽ được gia hạn đến ngày 30/6/2026).

EUDR quy định các sản phẩm nhập khẩu vào EU không được phép nuôi trồng trên đất phá rừng hoặc làm suy thoái rừng, và phải có Xác nhận "tuân thủ" ("due diligence" statement) chứng minh rằng sản phẩm nhập khẩu khẩu không liên quan đến việc gây mất rừng hoặc làm suy thoái rừng trong khoảng thời gian từ sau 31/12/2020. Các mặt hàng chịu sự điều chỉnh của EUDR gồm dầu cọ, gia súc, cà phê, cacao, đậu tương, cao su, gỗ và các sản phẩm được tạo ra từ những mặt hàng này (ví dụ sản phẩm da, socola, đồ nội thất...).

Mặc dù EUDR chỉ áp dụng đối với các sản phẩm được nuôi trồng trên đất chuyển đổi từ năm 2021 trở đi, trong khi phần lớn các sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam có liên quan (đặc biệt là cà phê, gỗ và cao su) đến từ các vùng nguyên liệu đã khai thác ổn định nhiều năm nay, việc thực thi nghĩa vụ giải trình/chứng minh theo EUDR vẫn là một thách thức rất lớn đối với các doanh nghiệp Việt Nam (đặc biệt là trong khâu tập hợp tài liệu chứng minh đất trồng hợp pháp, không thuộc diện mới chuyển đổi từ năm 2021). Do đó, việc gia hạn thời hạn thực thi EUDR giúp các quốc gia xuất khẩu (trong đó có Việt Nam) có thêm thời gian chuẩn bị, nâng cao năng lực để đáp ứng các yêu cầu của EUDR khi Quy định chính thức được áp dụng trên thực tế.

Có thể thấy, các quy định pháp luật của EU đang liên tục thay đổi (được thêm mới hoặc sửa đổi) theo hướng nâng cao các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xanh, bền vững đối với các sản phẩm được tiêu thụ trong Khối (bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu). Do vậy, để có thể xuất khẩu bền vững sang EU, doanh nghiệp Việt Nam không chỉ cần theo dõi sát sao để cập nhật và tuân thủ các quy định mới mà còn cần tính tới các phương án chuyển đổi sản xuất theo hướng xanh, bền vững trong lâu dài.

Tổng hợp diễn tiến phòng vệ thương mại trong 6 tháng cuối năm 2024

Diễn tiến các vụ việc PVTM do Việt Nam tiến hành đối với hàng nhập khẩu trong 6 tháng cuối năm 2024				
STT	Sản phẩm	Mã vụ việc	Quốc gia/Vùng lãnh thổ bị điều tra	Diễn tiến
1	Thép cán nguội	AD08	Trung Quốc	Ngày 25/12/2024, Quyết định số 3565/QĐ-BCT tiến hành rà soát cuối kỳ thuế CBPG (ER01.AD08)
2	Đường mía	AC02.AD13-AS01	Campuchia, Indonesia, Lào, Malaysia và Myanmar	Ngày 24/12/2024, Quyết định số 3486/QĐ-BCT tiến hành rà soát nhà xuất khẩu mới trong điều tra chống lẩn tránh biện pháp PVTM (NR03.AC02.AD13-AS01)
				Ngày 24/12/2024, Quyết định số 3485/QĐ-BCT tiến hành rà soát lần thứ hai việc áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM (AR02.AC02.AD13-AS01)
				Ngày 06/09/2024, Quyết định 2386/QĐ-BCT tiến hành rà soát lần thứ nhất việc áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM (AR01.AC02.AD13-AS01)

Diễn tiến các vụ việc PVTM do Việt Nam tiến hành đối với hàng nhập khẩu trong 6 tháng cuối năm 2024				
STT	Sản phẩm	Mã vụ việc	Quốc gia/Vùng lãnh thổ bị điều tra	Diễn tiến
3	Tháp điện gió	AD18	Trung Quốc	Ngày 24/12/2024, Quyết định 3453/QĐ-BCT áp dụng thuế CBPG chính thức, với mức thuế từ 0-97%
4	Thép hình chữ H	AD03	Trung Quốc	Ngày 25/11/2024, Quyết định 3098/QĐ-BCT về kết quả rà soát lần thứ hai việc áp thuế CBPG (AR02.AD03): điều chỉnh mức thuế CBPG đối với một số doanh nghiệp
5	Một số sản phẩm Thép không gỉ cán nguội	AD01	Trung Quốc, Indonesia, Malaysia, Đài Loan	Ngày 12/11/2024, Quyết định 3011/QĐ-BCT chấm dứt, không gia hạn biện pháp CBPG sau rà soát cuối kỳ lần 2 (ER02.AD01)
6	Thép hợp kim hoặc không hợp kim cán phẳng	AD04	Hàn Quốc, Trung Quốc	Ngày 24/10/2024, Quyết định 2822/QĐ-BCT tiếp tục áp thuế CBPG sau rà soát cuối kỳ (ER01.AD04): gia hạn 05 năm, mức thuế: - Hàn Quốc: 4,95-19,25%; - Trung Quốc: 0-34,27%
7	Ván sợi gỗ	AD21	Thái Lan, Trung Quốc	Ngày 25/09/2024, Quyết định 2549/QĐ-BCT khởi xướng điều tra áp dụng biện pháp CBPG
8	Một số sản phẩm nhôm	AD05	Trung Quốc	Ngày 23/09/2024, Quyết định 2531/QĐ-BCT tiếp tục áp thuế CBPG sau rà soát cuối kỳ (ER01.AD05): gia hạn 05 năm, mức thuế: 2,85-35,58%
9	Thép cán nóng	AD20	Ấn Độ, Trung Quốc	Ngày 26/07/2024, Quyết định 1985/QĐ-BCT khởi xướng điều tra áp dụng biện pháp CBPG
10	Bột ngọt	AD09	Indonesia, Trung Quốc	Ngày 23/07/2024, Quyết định 1947/QĐ-BCT tiến hành rà soát cuối kỳ thuế CBPG (ER01. AD09)
11	Một số sản phẩm bằng plastics	AD07	Malaysia, Thái Lan, Trung Quốc	Ngày 23/07/2024, Quyết định 1945/QĐ-BCT tiến hành rà soát cuối kỳ thuế CBPG (ER01. AD07)

Diễn tiến các vụ việc PVTM đang điều tra đối với hàng xuất khẩu Việt Nam trong 6 tháng cuối năm 2024					
STT	Quốc gia điều tra	Sản phẩm bị điều tra	Quốc gia/Vùng lãnh thổ bị điều tra	Thời gian	Diễn tiến mới
1	Hoa Kỳ	Pin năng lượng mặt trời (Crystalline Silicon Photovoltaic Cells)	Việt Nam, Campuchia, Malaysia và Thái Lan	23/12/2024	Bộ Thương mại Hoa Kỳ (USDOC) sửa kết luận sơ bộ, điều chỉnh biên độ phá giá đối với một số doanh nghiệp Việt Nam
				27/11/2024	USDOC ban hành kết luận sơ bộ khẳng định có hành vi bán phá giá, trong đó biên độ phá với sản phẩm Việt Nam: 53,3-271,28%
				30/9/2024	USDOC ban hành kết luận sơ bộ khẳng định sản phẩm Việt Nam nhận trợ cấp, với biên độ trợ cấp: 0,81-292,61%
2	Hoa Kỳ	Tôm nước ấm đông lạnh (Frozen Warmwater Shrimp)	Việt Nam, Ecuador, Ấn Độ, Indonesia	26/12/2024	Quyết định áp thuế chống trợ cấp chính thức, mức thuế tạm tính: - Việt Nam: 2,84-221,82% - Ấn Độ: 5,63-5,87% - Ecuador: 3,57-4,41% Áp thuế CBPG đối với Indonesia: 0-3,9%
3	Hoa Kỳ	Vỏ viên nhộng cứng (Hard Empty Capsules)	Việt Nam, Brazil, Trung Quốc và Ấn Độ	06/12/2024	Ủy ban Thương mại quốc tế Hoa Kỳ (USITC) kết luận sơ bộ khẳng định có thiệt hại do hành vi bán phá giá và nhận trợ cấp
4	Hoa Kỳ	Sản phẩm sợi đúc nhiệt (Thermoformed Molded Fiber Products)	Việt Nam, Trung Quốc	21/11/2024	USITC kết luận sơ bộ khẳng định có thiệt hại do hành vi bán phá giá và nhận trợ cấp

Diễn tiến các vụ việc PVTM đang điều tra đối với hàng xuất khẩu Việt Nam trong 6 tháng cuối năm 2024					
STT	Quốc gia điều tra	Sản phẩm bị điều tra	Quốc gia/Vùng lãnh thổ bị điều tra	Thời gian	Diễn tiến mới
5	Indonesia	Hạt nhựa EPS (Expansible Polystyrene - EPS)	Toàn cầu	22/11/2024	Ủy ban Tự vệ Indonesia (KPPI) gia hạn thuế tự vệ thêm 03 năm, với mức thuế và thời gian cụ thể: - 23/12/2024-22/12/2025: 2.352.478 rupiah/MT - 23/12/2025-22/12/2026: 2.328.473 rupiah/MT - 23/12/2026-22/12/2027: 2.304.468 rupiah/MT
6	Hoa Kỳ	Túi dệt (Laminated Woven Sacks)	Việt Nam	15/11/2024	Tiếp tục áp thuế CBPG, CTC sau rà soát cuối kỳ lần thứ nhất
7	Hoa Kỳ	Xơ sợi staple nhân tạo từ polyeste (Fine Denier Polyester Staple Fiber)	Toàn cầu	09/11/2024	Quyết định áp dụng biện pháp tự vệ toàn cầu trong 4 năm, có hiệu lực từ ngày 23/11/2024
8	Indonesia	Một số sản phẩm May mặc (Articles of Apparel and Clothing Accessories)	Toàn cầu	07/11/2024	Tiến hành điều tra gia hạn biện pháp tự vệ
9	Ấn Độ	Kính cường lực (Textured Tempered Glass)	Việt Nam, Trung Quốc	05/11/2024	Tổng vụ PVTM Ấn Độ (DGTR) kết luận sơ bộ khẳng định có hành vi phá giá và thiệt hại, áp thuế CBPG tạm thời: 565 USD/MT

Diễn tiến các vụ việc PVTM đang điều tra đối với hàng xuất khẩu Việt Nam trong 6 tháng cuối năm 2024					
STT	Quốc gia điều tra	Sản phẩm bị điều tra	Quốc gia/Vùng lãnh thổ bị điều tra	Thời gian	Diễn tiến mới
10	Hoa Kỳ	Nhôm đùn ép (Aluminum extrusions)	Việt Nam, Trung Quốc, Colombia, Ecuador, Ấn Độ, Indonesia, Italy, Malaysia, Mexico, Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan, Thổ Nhĩ Kỳ, UAE	30/10/2024	USITC ban hành kết luận cuối cùng xác định không có thiệt hại. Chấm dứt vụ việc, không áp thuế CBPG
11	Hoa Kỳ	Thép chống ăn mòn (thép CORE) (Corrosion-Resistant Steel Products)	Việt Nam, Australia, Brazil, Canada, Mexico, Hà Lan, Nam Phi, Đài Loan, Thổ Nhĩ Kỳ, UAE	18/10/2024	USITC kết luận sơ bộ khẳng định có thiệt hại do hành vi bán phá giá và nhận trợ cấp
12	Hoa Kỳ	Tháp gió (Utility Scale Wind Towers)	Việt Nam, Trung Quốc	17/10/2024	Tiếp tục duy trì lệnh áp thuế CBPG sau rà soát cuối kỳ lần thứ 2
13	Canada	Dây thép (Wire rod)	Việt Nam, Trung Quốc, Ai Cập	04/10/2024	Ủy ban Thương mại quốc tế Canada (CITT) ban hành kết luận cuối cùng khẳng định có thiệt hại do phá giá. Áp thuế CBPG với sản phẩm của Việt Nam: 13,5-17,7%
				04/09/2024	Cơ quan Dịch vụ Biên giới Canada (CBSA) ban hành kết luận cuối cùng khẳng định có hành vi bán phá giá, biên độ phá với sản phẩm Việt Nam: 13,5-17,7%

Diễn tiến các vụ việc PVTM đang điều tra đối với hàng xuất khẩu Việt Nam trong 6 tháng cuối năm 2024					
STT	Quốc gia điều tra	Sản phẩm bị điều tra	Quốc gia/Vùng lãnh thổ bị điều tra	Thời gian	Diễn tiến mới
14	Thổ Nhĩ Kỳ	Pin năng lượng mặt trời (Solar Panels)	Việt Nam, Croatia, Jordan, Thái Lan, Malaysia	27/9/2024	Bộ Thương mại Thổ Nhĩ Kỳ (DGI) ban hành kết luận khẳng định có hành vi lẩn tránh thuế CBPG đang áp dụng với Trung Quốc, áp thuế từ 0-25 USD/m2
15	Thổ Nhĩ Kỳ	Sợi polyester (Polyester Staple Fibers)	Toàn cầu	20/09/2024	DGI gia hạn áp thuế tự vệ thêm 03 năm, với mức thuế và thời gian cụ thể: - 23/9/2024 – 22/9/2025: 0,048 USD/kg - 23/9/2025 – 22/9/2026: 0,044 USD/kg - 23/9/2026 – 22/9/2027: 0,040 USD/kg
16	Hoa Kỳ	Lò xo đệm không bọc (Uncovered Innerspring Units)	Việt Nam	03/09/2024	Tiến hành rà soát cuối kỳ lần thứ 3 biện pháp CBPG
17	Hoa Kỳ	Đĩa giấy (Paper Plates)	Việt Nam, Trung Quốc, Thái Lan	29/8/2024	USDOC ban hành kết luận sơ bộ khẳng định có hành vi bán phá giá, biên độ phá với sản phẩm Việt Nam: 0-159,79%
18	Thổ Nhĩ Kỳ	Băng truyền chữ V (V-belt)	Việt Nam, Trung Quốc, Ấn Độ	23/08/2024	Tiếp tục áp thuế CBPG sau rà soát cuối kỳ, mức thuế CBPG: 3,15 USD/kg
19	Philippines	Vỏ bình ga bằng thép (Liquified petroleum gas (LPG) steel cylinder)	Toàn cầu	19/08/2024	Chấm dứt điều tra, không áp dụng biện pháp tự vệ

Diễn tiến các vụ việc PVTM đang điều tra đối với hàng xuất khẩu Việt Nam trong 6 tháng cuối năm 2024					
STT	Quốc gia điều tra	Sản phẩm bị điều tra	Quốc gia/Vùng lãnh thổ bị điều tra	Thời gian	Diễn tiến mới
20	Hoa Kỳ	Dây cáp nhôm (Aluminum Wire and Cable)	Việt Nam, Campuchia, Hàn Quốc	31/7/2024	USDOC kết luận sơ bộ: - Về phạm vi sản phẩm: sản phẩm của Việt Nam không thuộc phạm vi lệnh áp thuế CBPG - Về điều tra chống lẩn tránh: khẳng định Việt Nam có hành vi lẩn tránh thuế CBPG mà Hoa Kỳ đang áp dụng với hàng nhập khẩu từ Trung Quốc
21	Hoa Kỳ	Túi giấy (Paper Shopping Bags)	Việt Nam, Campuchia, Trung Quốc, Colombia, Ấn Độ, Malaysia, Bồ Đào Nha, Đài Loan (Trung Quốc), Thổ Nhĩ Kỳ	18/07/2024	USDOC quyết định áp thuế CBPG chính thức, mức thuế tạm tính đối với sản phẩm của Việt Nam: 36,51 - 92,34%
22	Hoa Kỳ	Tủ gỗ (Wooden Cabinets and Vanities and Components Thereof)	Việt Nam, Malaysia	10/07/2024	USDOC kết luận cuối cùng về phạm vi sản phẩm: xác định một số mặt hàng tủ gỗ được hoàn thiện tại Việt Nam, Malaysia (sử dụng thành phẩm sản xuất tại Trung Quốc) thuộc phạm vi áp thuế CBPG, CTC. Hủy bỏ cuộc điều tra chống lẩn tránh thuế CBPG, CTC

Các vụ điều tra PVTM mới khởi xướng đối với hàng xuất khẩu Việt Nam tại thị trường nước ngoài trong 6 tháng cuối năm 2024					
STT	Quốc gia điều tra	Sản phẩm bị điều tra	Loại vụ việc	Quốc gia/Vùng lãnh thổ bị điều tra	Thời gian
1	Ấn Độ	Bột độn canxi cacbonat (Calcium carbonate filler masterbatch)	Chống trợ cấp	Việt Nam	27/12/2024
2			Chống bán phá giá	Việt Nam	30/09/2024
3	Ấn Độ	Sợi nylon (Nylon filament yarn)	Chống bán phá giá	Việt Nam và Trung Quốc	26/12/2024
4	Ấn Độ	Thép cán phẳng hợp kim và không hợp kim (Non-Alloy and Alloy Steel Flat Products)	Tự vệ	Toàn cầu	19/12/2024
5	EU	Hợp kim mangan và silicon (Manganese and silicon-based alloying elements)	Tự vệ	Toàn cầu	19/12/2024
6	Indonesia	Nhựa polypropylene homopolymer (PP Homopolymer)	Chống bán phá giá	Việt Nam, Ả Rập Xê Út, Malaysia, Trung Quốc, Philippines, Hàn Quốc, Singapore và Thái Lan	04/12/2024
7	Canada	Sơ mi rơ moóc (Container Chassis)	Chống lẩn tránh thuế CBPG, CTC, từ vụ việc gốc đối với sản phẩm Trung Quốc	Việt Nam	25/11/2024

Các vụ điều tra PVTM mới khởi xướng đối với hàng xuất khẩu Việt Nam tại thị trường nước ngoài trong 6 tháng cuối năm 2024					
STT	Quốc gia điều tra	Sản phẩm bị điều tra	Loại vụ việc	Quốc gia/Vùng lãnh thổ bị điều tra	Thời gian
8	Hoa Kỳ	Vỏ viên nhộng cứng (Hard Empty Capsules)	Chống bán phá giá và Chống trợ cấp	Việt Nam, Brazil, Trung Quốc và Ấn Độ	13/11/2024
9	Philippines	Xi măng (Cement)	Tự vệ	Toàn cầu	28/10/2024
10	Hoa Kỳ	Sản phẩm sợi đúc nhiệt (Thermoformed Molded Fiber Products)	Chống bán phá giá và Chống trợ cấp	Việt Nam, Trung Quốc	28/10/2024
11	Malaysia	Thép dây (Steel wire rods)	Chống bán phá giá	Việt Nam, Trung Quốc, Indonesia	10/10/2024
12	Hoa Kỳ	Thép chống ăn mòn (thép CORE) (Corrosion-Resistant Steel Products)	Chống bán phá giá và Chống trợ cấp	Việt Nam, Australia, Brazil, Canada, Mexico, Hà Lan, Nam Phi, Đài Loan, Thổ Nhĩ Kỳ, UAE (Điều tra CTC với Việt Nam, Brazil, Canada, Mexico)	25/09/2024
13	Australia	Thanh cốt thép cán nóng (Hot rolled deformed steel reinforcing bar in lengths)	Chống bán phá giá	Việt Nam, Indonesia, Malaysia, Thái Lan, Thổ Nhĩ Kỳ	24/09/2024
14	Nam Phi	Lốp xe ôtô, xe buýt và xe tải (New pneumatic tyres of rubber of a kind used on motor cars and on buses or lorries)	Chống lẩn tránh thuế CBPG, từ vụ việc gốc đối với sản phẩm Trung Quốc	Việt Nam, Thái Lan, Campuchia	20/09/2024

Các vụ điều tra PVTM mới khởi xướng đối với hàng xuất khẩu Việt Nam tại thị trường nước ngoài trong 6 tháng cuối năm 2024					
STT	Quốc gia điều tra	Sản phẩm bị điều tra	Loại vụ việc	Quốc gia/Vùng lãnh thổ bị điều tra	Thời gian
15	Indonesia	Vải bạt tarpaulin (Plastic Tarpaulin Products)	Tự vệ	Toàn cầu	18/09/2024
16	Thái Lan	Thép không gỉ cán nguội (Flat Cold-Rolled Stainless Steel)	Chống bán phá giá	Việt Nam	17/09/2024
17	Indonesia	Hạt nhựa Polyethylene mật độ thấp tuyến tính (Low Linear Density Polyethylene - LLDPE)	Tự vệ	Toàn cầu	09/09/2024
18	Ấn Độ	Thép cuộn cán nóng (Hot rolled flat products of alloy or non-alloy steel)	Chống bán phá giá	Việt Nam	14/08/2024
19	Đài Loan (Trung Quốc)	Xi măng và clanhke (Portland Cement, Portland Cement Clinker)	Chống bán phá giá	Việt Nam	08/08/2024
20	EU	Thép cán nóng (Hot-rolled flat products of iron, non-alloy or other alloy steel)	Chống bán phá giá	Việt Nam, Ai Cập, Ấn Độ, Nhật Bản	08/08/2024

Viễn cảnh bất ổn từ các nguy cơ thuế quan mới của Hoa Kỳ

Việc Ông Donald Trump tái đắc cử Tổng thống Hoa Kỳ hồi tháng 11/2024 đang làm dấy lên lo ngại về nguy cơ bùng nổ các cuộc chiến thương mại mới bởi những chính sách thuế cứng rắn mà Ông hứa hẹn sẽ áp dụng trong nhiệm kỳ tới.

Trong giai đoạn tranh cử, Ông Trump đã đề cập tới việc sẽ áp dụng thuế nhập khẩu từ 10%-20% đối với tất cả hàng hóa nước ngoài, trong đó mức thuế đối với hàng hóa từ Trung Quốc có thể lên đến 60%. Trong thông báo ngày 25/11/2024 sau khi tái đắc cử, Ông Trump tuyên bố sẽ ký sắc lệnh áp thuế 25% đối với hàng hóa từ Canada và Mexico, đồng thời áp thuế bổ sung 10% đối với hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc ngay trong ngày đầu nhậm chức (ngày 20/01/2025). Cũng theo ông Trump, các mức thuế quan này sẽ được duy trì cho đến khi tình trạng buôn bán trái phép ma túy và vượt biên bất hợp pháp được giải quyết.

Các đối tượng cụ thể mà ông Trump dự kiến sẽ áp dụng các biện pháp thuế quan mới đều là những đối tác thương mại quan trọng của Hoa Kỳ, đồng thời Hoa Kỳ cũng là thị trường xuất khẩu chủ yếu của các nước này (70% xuất khẩu của Canada và 80% của Mexico). Vì thế không ngạc nhiên khi các nước bị nêu tên ngay lập tức đã thể hiện sự phản đối và tìm giải pháp trước lời đe dọa của ông Trump.

Canada cho biết sẽ sẵn sàng thực hiện các hành động đáp trả nếu Hoa Kỳ áp thuế vô lý với hàng hóa nhập khẩu từ nước này. Một trong các biện pháp được Canada cân nhắc là cắt nguồn cung năng lượng (dầu thô, điện...) và một số sản phẩm khác mà Hoa Kỳ phụ thuộc vào Canada (như thép, nhôm, uranium...). Về phía Mexico, ngay sau tuyên bố của ông Trump, nước này cũng đã cảnh báo về việc sẽ tăng thuế tương ứng để đáp trả hành động của Hoa Kỳ. Việc sử dụng các biện pháp trả đũa lẫn nhau có thể dẫn đến nguy cơ về một cuộc chiến thương mại mới giữa Hoa Kỳ với Canada và Mexico trong nhiệm kỳ tới của ông Trump.

Trên thực tế, tình huống này không phải là chưa có tiền lệ khi trong nhiệm kỳ đầu tiên, ông Trump từng quyết định áp thuế 25% đối với thép và 10% đối với nhôm nhập khẩu từ Canada và Mexico, khiến các nước này trả đũa bằng các biện pháp tương tự. Căng thẳng chỉ lắng xuống khi Hoa Kỳ với Canada và Mexico đạt được thỏa thuận về dỡ bỏ thuế quan đối với nhôm, thép vào tháng 5/2019. Ngoài ra, các chuyên gia cũng cho rằng mức thuế quan mà ông Trump đặt ra với Canada và Mexico có thể sẽ vi phạm các điều khoản của Hiệp định thương mại Hoa Kỳ - Mexico – Canada (USMCA) được chính quyền Tổng thống Donald Trump ký kết và thực thi từ tháng 7/2020.

Hiện tại, Canada và Mexico vẫn đang tích cực đối thoại với Hoa Kỳ để thuyết phục nước này từ bỏ ý định áp thuế đối với hàng hóa nhập khẩu từ Canada và Mexico vào tháng 01/2025 nhằm tránh những tổn hại nghiêm trọng đến quan hệ thương mại giữa các bên.

Về phía Trung Quốc, mặc dù căng thẳng thương mại với Hoa Kỳ vốn đã kéo dài trong suốt 6 năm, Trung Quốc khẳng định không mong muốn tiếp diễn một cuộc chiến thuế quan với Hoa Kỳ bởi những tổn hại có thể xảy ra đối với hoạt động thương mại của hai nước. Liên quan đến lý do áp thuế bổ sung của ông Trump, Trung Quốc cho biết nước này đã thực hiện nghiêm túc các biện pháp chống buôn lậu ma túy theo đúng thỏa thuận từ năm 2023 và cũng đã thông báo với Hoa Kỳ về những tiến triển đạt được trong hoạt động này. Do đó, Trung Quốc phủ nhận cáo buộc của ông Trump về việc nước này cố tình cho phép các tiền chất fentanyl tràn vào Hoa Kỳ, đồng thời kêu gọi Hoa Kỳ xem xét lại các mức thuế bổ sung dự kiến áp dụng trong năm tới để tránh tổn hại đến lợi ích của cả hai bên.

Tuy nhiên, với lịch sử mâu thuẫn kéo dài giữa hai nước, Trung Quốc được dự đoán sẵn sàng thực hiện các biện pháp đáp trả tương ứng nếu Donald Trump vẫn kiên quyết thực hiện chính sách thuế bổ sung với Trung Quốc từ đầu năm 2025. Điều này có thể đẩy xung đột thương mại giữa hai nền kinh tế lớn nhất thế giới lên một nấc thang mới, tiềm ẩn rủi ro khó lường cho cả hai bên.

Các nguy cơ áp đặt hàng rào thuế quan của Hoa Kỳ, đặc biệt với Trung Quốc, của ông Trump khiến triển vọng thương mại thế giới năm 2025 trở lên khó lường hơn bao giờ hết. Các luồng thương mại có thể bị điều hướng dưới tác động của các biện pháp thuế quan trừng phạt hay trả đũa lẫn nhau. Giá hàng hóa cũng sẽ gia tăng khi phải cõng thêm thuế, nhu cầu tiêu dùng vì thế cũng có thể suy giảm mạnh. Đơn cử như trong lĩnh vực công nghệ, theo Hiệp hội công nghệ tiêu dùng của Hoa Kỳ, trường hợp Hoa Kỳ đánh thuế 60% lên các sản phẩm của Trung Quốc và 10-20% lên sản phẩm nhập khẩu từ các nước khác, giá của nhiều sản phẩm công nghệ ở Hoa Kỳ có thể sẽ tăng rất mạnh trong năm 2025 (dự báo là máy tính xách tay tăng 45%, thiết bị trò chơi điện tử tăng 40%, điện thoại thông minh tăng 26%...).

Cuộc chiến công nghệ giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc tiếp tục leo thang

Trên thực tế, trong hơn hai năm qua, căng thẳng trên mặt trận chip bán dẫn giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc vẫn không ngừng leo thang, với một loạt các lệnh cấm/hạn chế xuất khẩu, tăng thuế nhập khẩu... nhắm vào các mặt hàng công nghệ, chất bán dẫn... nhằm trừng phạt/trả đũa lẫn nhau.

Trong nửa cuối năm 2024, mâu thuẫn giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc tiếp tục được đẩy lên cao khi Hoa Kỳ ngày 13/9/2024 đã ra quyết định cuối cùng về việc tăng mạnh mức thuế nhập khẩu đối với nhiều mặt hàng công nghệ nhập khẩu từ Trung Quốc, lên mức 100% đối với xe điện, 50% đối với pin mặt trời và 25% đối với pin xe điện, sản phẩm nhôm, thép... từ ngày 27/9/2024 và tăng gấp đôi (lên mức 50%) đối với chất bán dẫn từ ngày 01/01/2025. Không dừng lại ở các biện pháp thuế quan, ngày 28/10/2024, Hoa Kỳ đã công bố những quy định cuối cùng trong việc kiểm soát/hạn chế đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao (trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, công nghệ thông tin lượng tử...) tại Trung Quốc nhằm ngăn chặn sự phát triển của các công nghệ nhạy cảm, đe dọa an ninh quốc gia. Các quy định mới sẽ có hiệu lực từ ngày 02/01/2025. Đỉnh điểm, vào ngày 02/12/2024, Hoa Kỳ tiếp tục ban hành gói biện pháp mới hạn chế xuất khẩu chip bán dẫn sang Trung Quốc nhằm ngăn chặn khả năng tiếp cận công nghệ lõi và sản xuất chip tiên tiến của nước này. Theo đó, hơn 140 công ty Trung Quốc (gồm 20 doanh nghiệp bán dẫn, 2 công ty đầu tư và hơn 100 doanh nghiệp sản xuất công cụ chế tạo chip) bị đưa vào danh sách hạn chế thương mại, doanh nghiệp Hoa Kỳ sẽ bị cấm xuất khẩu sang Trung Quốc cho các công ty này nếu không được cấp giấy phép cụ thể.

Các động thái nói trên của Hoa Kỳ dẫn tới sự phản đối gay gắt từ phía Trung Quốc và nước này ngay lập tức đã có những hành động đáp trả. Chỉ một ngày sau khi Hoa Kỳ bổ sung 140 công ty Trung Quốc vào danh sách hạn chế thương mại, Trung Quốc đã tuyên bố cấm xuất khẩu sang Hoa Kỳ một số nguyên liệu quan trọng được sử dụng trong sản xuất bán dẫn như gali, antimon, germani và các vật liệu siêu rắn từ ngày 03/12/2024, đồng thời siết chặt kiểm tra đối tượng và mục đích sử dụng cuối cùng của than chì xuất khẩu từ Trung Quốc.

Những động thái cứng rắn từ cả hai phía không chỉ đẩy căng thẳng giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ lên cao mà còn đe dọa gây tổn hại nghiêm trọng đến chuỗi cung ứng toàn cầu trong các ngành công nghệ trọng yếu.

Cập nhật tiến trình đàm phán mới và nâng cấp các FTA của ASEAN

Hoàn tất đàm phán nâng cấp ACFTA

Sau 9 phiên đàm phán trong gần 2 năm, ngày 10/10/2024, ASEAN và Trung Quốc đã thống nhất hoàn tất nội dung đàm phán nâng cấp lần thứ 2 Hiệp định Khu vực thương mại tự do ASEAN – Trung Quốc (ACFTA) tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN – Trung Quốc lần thứ 27.

Hiện tại, văn kiện Nghị định thư sửa đổi ACFTA vẫn chưa chính thức được công bố. Tuy nhiên, Tuyên bố chung về việc cơ bản hoàn tất đàm phán nâng cấp ACFTA đã cho thấy các sửa đổi đáng chú ý trong "phiên bản 3.0 ACFTA" này.

Cụ thể, Bản nâng cấp ACFTA sẽ bổ sung thêm nhiều nội dung mới liên quan đến 05 vấn đề gồm Kinh tế số, Kinh tế xanh, Kết nối chuỗi cung ứng, Doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (MSME) và Cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng. Ngoài ra, Bản nâng cấp cũng bao gồm các sửa đổi, cải tiến một số điều khoản về Thủ tục Hải quan và tạo thuận lợi thương mại, về Tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp, về Các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật, và về Hợp tác kinh tế kỹ thuật, theo hướng thuận lợi hơn cho doanh nghiệp.

Với những nội dung sửa đổi bao trùm, Hiệp định ACFTA phiên bản 3.0 được kỳ vọng sẽ mở ra kỷ nguyên hợp tác mới giữa ASEAN và Trung Quốc, khắc phục các hạn chế trong phiên bản cũ, góp phần xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi, an toàn và linh hoạt hơn cho doanh nghiệp trong bối cảnh thương mại thế giới nhiều biến động.

Sau khi hoàn tất đàm phán, các bên hiện đang tiến hành quá trình rà soát pháp lý để Nghị định thư sửa đổi ACFTA có thể được ký kết vào năm 2025.

Tháng 11/2002, ASEAN và Trung Quốc đã ký Hiệp định khung về Hợp tác kinh tế toàn diện. Trên cơ sở Hiệp định khung, hai bên tiếp tục đàm phán và ký kết các Hiệp định về Thương mại hàng hóa (có hiệu lực từ tháng 7/2005), Hiệp định về Thương mại dịch vụ (có hiệu lực từ tháng 7/2007), Hiệp định về Đầu tư (có hiệu lực từ tháng 2/2010) nhằm thiết lập Khu vực thương mại tự do ASEAN – Trung Quốc (ACFTA).

Tháng 11/2015, ASEAN và Trung Quốc đã ký Nghị định thư sửa đổi Hiệp định khung và các hiệp định liên quan, trong đó sửa đổi một số nội dung cam kết theo hướng đơn giản hóa các quy tắc thương mại hàng hóa/dịch vụ, tăng cường các điều khoản đầu tư (còn gọi là ACFTA phiên bản 2.0). Nghị định thư này có hiệu lực từ tháng 5/2016.

Phiên bản nâng cấp lần này sẽ là bản sửa đổi lần thứ hai của Hiệp định và là "phiên bản 3.0" của ACFTA.

Đẩy nhanh quá trình đàm phán nâng cấp ATIGA

Đàm phán nâng cấp Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA) là một trong những ưu tiên hàng đầu của ASEAN trong nỗ lực tiếp tục tự do hóa hơn nữa thương mại nội khối ASEAN. Các nước trong khối đang kỳ vọng có thể hoàn tất đàm phán nâng cấp ATIGA vào Quý I/2025 và có thể ký kết Nghị định thư sửa đổi Hiệp định này vào tháng 9/2025 trong khuôn khổ Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế ASEAN lần thứ 57.

Đàm phán nâng cấp ATIGA được khởi động từ tháng 3/2022, xuất phát từ nhu cầu của các nước thành viên trong bối cảnh thế giới có nhiều biện động khó lường (đại dịch, xung đột Nga-Ukraine...), cần một khung khổ chung để ứng phó tốt hơn với những khó khăn hiện tại và những thách thức có thể xảy ra trong tương lai.

Mục tiêu của đàm phán nâng cấp ATIGA lần này nhằm đảm bảo tính hiện đại, toàn diện của Hiệp định, không chỉ tập trung vào việc đơn giản hóa, giảm bớt các rào cản thương mại trong khu vực mà còn bổ sung các cam kết bao trùm nhiều vấn đề mới khác như sở hữu trí tuệ, thương mại điện tử, phát triển bền vững, doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (MSME)...

Sau 11 phiên đàm phán nâng cấp (với phiên gần nhất vào tháng 10/2024), các nước ASEAN đã hoàn thành được khoảng 70% tiến độ công việc với việc kết thúc đàm phán các nội dung liên quan đến MSME, Hợp tác Kinh tế Kỹ thuật (ECOTECH), Thủ tục hải quan và tạo thuận lợi thương mại, Thương mại và môi trường, Tiêu chuẩn, quy chuẩn và Quy trình đánh giá sự phù hợp...

Hiệp định Thương mại hàng hóa (ATIGA) được ký vào tháng 2/2009 và chính thức có hiệu lực từ ngày 17/5/2010. Tiền thân của ATIGA là Hiệp định Ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT/AFTA) ký năm 1992 giữa các nước ASEAN.

ATIGA điều chỉnh thương mại hàng hóa trong nội khối ASEAN với những nội dung được xây dựng trên cơ sở tổng hợp một cách minh bạch các cam kết cắt giảm/loại bỏ thuế quan đã thống nhất trong CEPT/AFTA và đẩy nhanh tiến trình tự do hóa.

Hiệp định ATIGA đã được sửa đổi lần đầu vào năm 2019, tuy nhiên Nghị định thư thứ nhất sửa đổi ATIGA này chỉ thay đổi nội dung một điều khoản duy nhất về Chứng nhận xuất xứ hàng hóa nhằm xử lý các bất cập về mặt kỹ thuật liên quan tới quy trình và biểu mẫu về xuất xứ của Hiệp định. Do đó, lần đàm phán nâng cấp ATIGA này được xem là lần sửa đổi toàn diện đầu tiên đối với Hiệp định.

Sớm kết thúc đàm phán ACaFTA

Năm 2024 cũng là năm ASEAN cấp tập đàm phán các nội dung trong Hiệp định thương mại tự do giữa ASEAN với Canada (ACaFTA) nhằm thực hiện mục tiêu hoàn tất đàm phán Hiệp định vào năm 2025.

AcaFTA được định hướng là một Hiệp định toàn diện, bao trùm nhiều vấn đề từ thương mại, dịch vụ, đầu tư, hải quan và tạo thuận lợi thương mại đến sở hữu trí tuệ, cạnh tranh, lao động, thương mại và phát triển bền vững...

Sau 10 vòng đàm phán (từ tháng 8/2022, với 4 vòng đàm phán trong năm 2024), ASEAN và Canada đã đạt được nhiều tiến triển trong các lĩnh vực truyền thống như thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ và đầu tư, nhưng vẫn cần thảo luận thêm về những lĩnh vực phi truyền thống như lao động, sở hữu trí tuệ, phát triển bền vững, doanh nghiệp nhà nước...Việc thúc đẩy đàm phán ACaFTA được xem là nỗ lực lớn của cả ASEAN và Canada trong việc tạo ra một khu vực chung rộng lớn để các bên cùng hợp tác phát triển.

UAE tích cực mở rộng mạng lưới FTA

Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE) đang cấp tập đàm phán và ký kết các Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện (CEPA) với nhiều nền kinh tế trên thế giới. Đây là một phần trong chiến lược "Tầm nhìn UAE 2031 (We the UAE 2031)" nhằm đa dạng hóa nền kinh tế, thúc đẩy thương mại phi dầu mỏ và hướng đến mục tiêu trở thành trung tâm kinh tế toàn cầu của UAE.

Riêng trong năm 2024, UAE đã ký kết thêm 09 CEPA với các quốc gia gồm Colombia, Costa Rica (vào ngày 18/4/2024); Hàn Quốc (29/5/2024), Mauritius (22/7/2024), Chile (29/7/2024), Serbia (5/10/2024), Jordan (6/10/2024), Việt Nam (28/10/2024) và Australia (6/11/2024). Ngoài ra, UAE cũng đã hoàn tất đàm phán CEPA để tiến tới ký kết chính thức trong thời gian tới với 04 đối tác là Kenya (vào ngày 23/2/2024), Morocco (27/7/2024), New Zealand (26/9/2024) và Malaysia (10/10/2024).

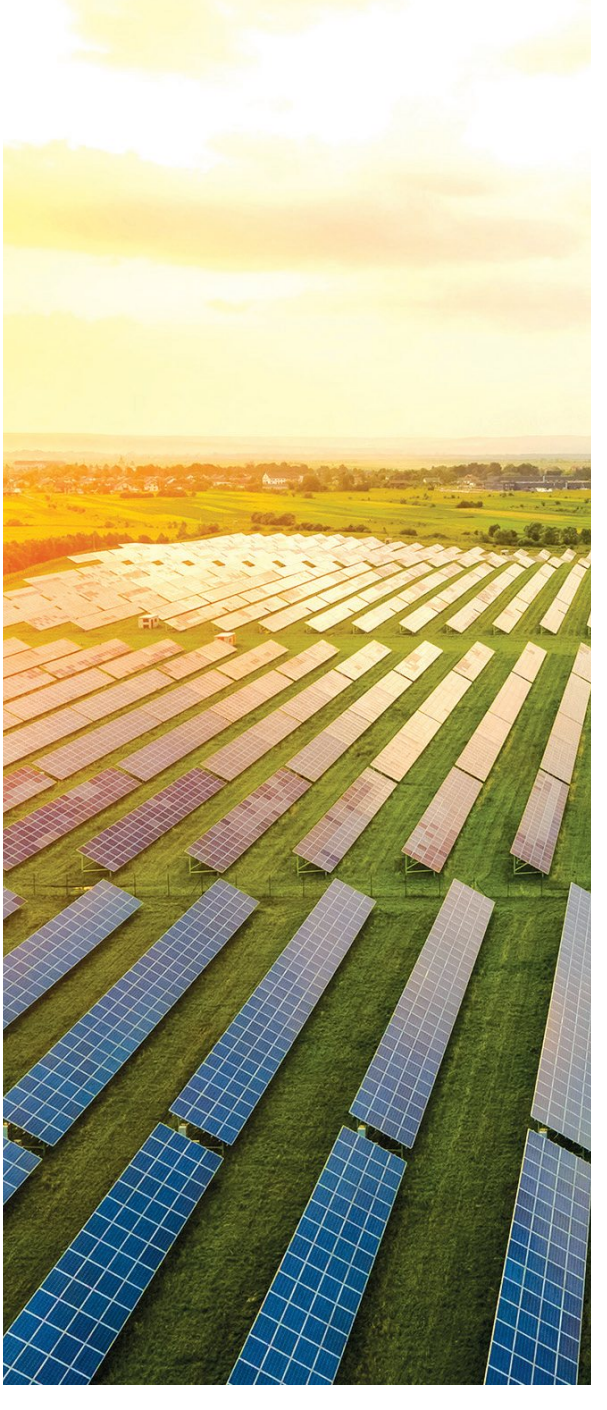

Tính đến thời điểm hiện tại, UAE chỉ mới thực thi tổng cộng 06 CEPA với các đối tác gồm Ấn Độ, Israel, Indonesia, Thổ Nhĩ Kỳ, Campuchia và Georgia (Gruzia theo cách gọi cũ). Do vậy, việc liên tục đàm phán và ký kết các Hiệp định mới trong thời gian ngắn cho thấy nỗ lực rất lớn của UAE trong việc mở rộng mạng lưới FTA nhằm xóa bỏ các rào cản thương mại, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho dòng chảy đầu tư trong nhiều lĩnh vực như năng lượng, công nghệ, logistics...

Bên cạnh đó, UAE vẫn đang tiếp tục quá trình đàm phán với các đối tác tiềm năng khác như Ecuador, Philippines, Nhật Bản, hứa hẹn mở rộng hơn nữa mạng lưới hợp tác kinh tế toàn cầu.

Một mặt, việc UAE có nhiều FTA với các đối tác tạo cơ hội mở rộng và kết nối đối tác cho các doanh nghiệp Việt Nam ở thị trường này. Mặt khác, việc nhiều nền kinh tế cùng có các con đường tiếp cận ưu tiên vào UAE có thể khiến các lợi thế của doanh nghiệp Việt Nam bị giảm sút, cạnh tranh cũng phức tạp hơn đáng kể. Do đó, các doanh nghiệp cần có sự chuẩn bị để tận dụng tốt nhất các lợi thế từ CEPA mà chúng ta vừa có với UAE trước khi thị trường này mở cửa cho nhiều đối tác khác theo các CEPA đã hoặc sẽ ký.

WTO kết nạp thêm thành viên mới

Sau 30 ngày kể từ ngày trao Văn bản chấp thuận Nghị định thư gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) cho Tổng giám đốc WTO, Comoros và Timor Leste đã chính thức trở thành thành viên thứ 165 và 166 của tổ chức này, lần lượt vào ngày 21/8/2024 và 30/8/2024. Đây là những cột mốc quan trọng đánh dấu sự mở rộng và phát triển của WTO trong năm 2024, đồng thời củng cố vị trí của tổ chức này trong hệ thống thương mại quốc tế.

Trên thực tế, quá trình đàm phán gia nhập WTO của hai quốc gia này đã kéo dài nhiều năm (17 năm đối với Comoros và 9 năm với Timor-Leste). Đến tháng 01/2024, các cuộc đàm phán này mới chính thức hoàn tất. Sau đó khoảng một tháng, vào ngày 26/02/2024, các nước thành viên đã đồng thuận thông qua việc gia nhập của cả hai nước trong một buổi lễ đặc biệt tại Hội nghị Bộ trưởng WTO lần thứ 13 (MC13).

Việc chính thức trở thành thành viên của WTO cho thấy thiện chí và nỗ lực rất lớn của Comoros và Timor Leste trong việc cải cách kinh tế và điều chỉnh hệ thống pháp luật để đáp ứng các quy tắc, nguyên tắc của WTO. Đây không chỉ là bước tiến lớn của hai quốc gia này trong hành trình hội nhập kinh tế toàn cầu mà còn là một lá phiếu tín nhiệm đối với WTO và những giá trị cốt lõi của tổ chức về tính cởi mở, minh bạch, pháp quyền và quản trị tốt trong bối cảnh những nghi ngại với hệ thống thương mại toàn cầu gia tăng trong suốt thời gian vừa qua. Việc kết nạp thêm thành viên mới cũng đồng thời khẳng định WTO vẫn tiếp tục mở rộng, phát triển và duy trì vai trò là nền tảng của hệ thống thương mại đa phương.

Đáng chú ý, cùng với việc gia nhập WTO, Comoros và Timor Leste cũng đã phê duyệt và đệ trình Văn bản chấp thuận Thỏa thuận về Trợ cấp nghề cá, nâng tổng số quốc gia chấp nhận Thỏa thuận lên 83. Thỏa thuận này sẽ chính thức có hiệu lực nếu có 2/3 nước thành viên nộp văn bản chấp thuận lên WTO.

Tính đến hết năm 2024, có 22 quốc gia khác vẫn đang trong quá trình đàm phán để gia nhập tổ chức này. Điều này cho thấy sức hấp dẫn và khẳng định thêm vai trò trung tâm của WTO trong việc đảm bảo một sân chơi thương mại công bằng, minh bạch và bền vững. ■

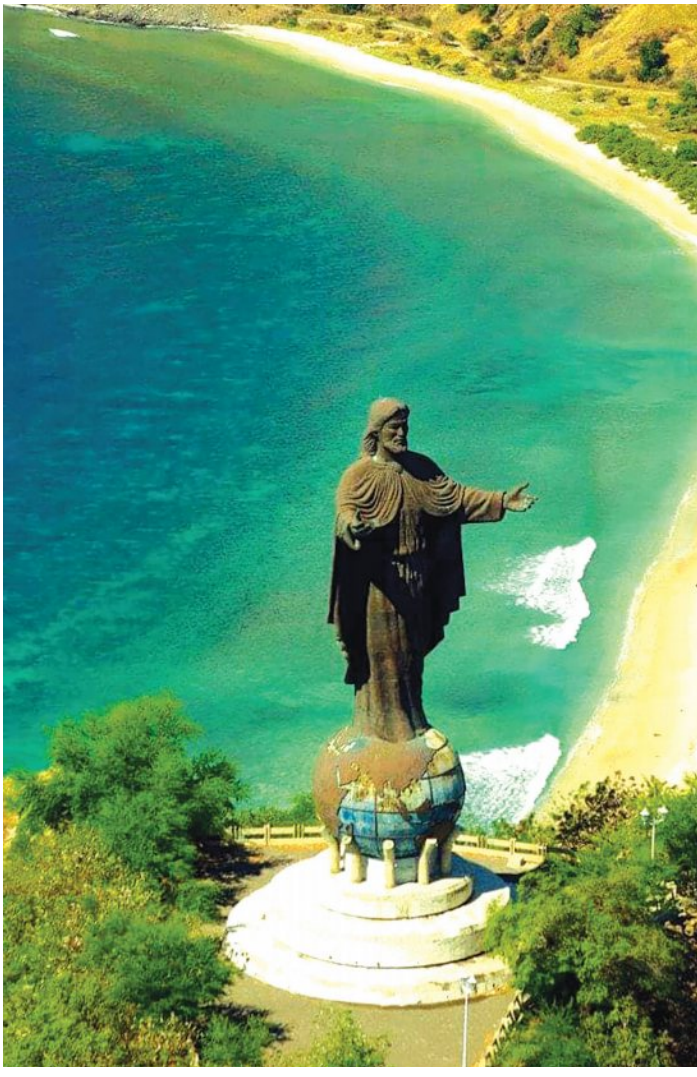

CHUYÊN ĐỀ

DOANH NGHIỆP CHẤM ĐIỂM

CÁC THỦ TỤC CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ FTA

Tính đến hết năm 2024, Việt Nam có tổng cộng 16 Hiệp định thương mại tự do (FTA), mang lại cơ hội ưu đãi thuế quan cho hàng hóa Việt Nam xuất khẩu ở 54 thị trường trên thế giới. Tuy nhiên, để được hưởng ưu đãi thuế quan theo một FTA, hàng hóa xuất khẩu phải đáp ứng quy tắc xuất xứ (QTXX) và thực hiện thủ tục chứng nhận xuất xứ (CNXX) để có chứng nhận xuất xứ theo quy định của FTA tương ứng. Nói cách khác, doanh nghiệp chỉ có thể thực sự hưởng lợi từ các cam kết ưu đãi thuế quan FTA nếu đáp ứng các quy định về xuất xứ theo FTA đó.

Để tìm hiểu hiện trạng đáp ứng các quy định về xuất xứ trong các FTA của doanh nghiệp, nhận diện những vấn đề đang cản trở doanh nghiệp tận dụng các ưu đãi thuế quan FTA, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (với đầu mối Trung tâm WTO và Hội nhập) đã tiến hành khảo sát ngẫu nhiên (điều tra và phỏng vấn chuyên sâu) các doanh nghiệp đã từng thực hiện thủ tục CNXX FTA trong khoảng thời gian từ 12/2023-3/2024. Khảo sát đã nhận được phản hồi đánh giá và cảm nhận từ hơn 220 doanh nghiệp xuất khẩu trong nhiều lĩnh vực hàng hóa trên toàn quốc trong hai khía cạnh cơ bản là quy tắc xuất xứ và thủ tục chứng nhận xuất xứ theo FTA.

Chuyên đề của Bản tin này giới thiệu về kết quả khảo sát ở khía cạnh thủ tục chứng nhận xuất xứ, với các đánh giá cụ thể của doanh nghiệp về từng thủ tục CNXX cũng như các đề xuất giải pháp cải thiện tương ứng nhằm loại bỏ những rào cản về thủ tục CNXX, qua đó giúp doanh nghiệp gia tăng cơ hội hưởng lợi từ các cam kết ưu đãi thuế quan theo các FTA.

CHUYÊN ĐỀ

Vài nét về các thủ tục CNXX theo các FTA của Việt Nam

Các thủ tục CNXX đã cam kết trong các FTA

Rà soát cho thấy có 07 loại thủ tục CNXX được ghi nhận trong các FTA của Việt Nam. Xét về tính chất, các thủ tục này có thể được xếp vào hai nhóm chính, gồm nhóm các thủ tục CNXX thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền (hay còn gọi là thủ tục cấp Giấy CNXX – Certificate of Origin (C/O) truyền thống) và nhóm các thủ tục tự chứng nhận xuất xứ bởi nhà sản xuất, nhà xuất khẩu và/hoặc nhà nhập khẩu (gọi chung là thủ tục tự CNXX).

Với nhóm thủ tục CNXX truyền thống, tất cả các FTA của Việt Nam đều có quy định về một trong ba loại thủ tục CNXX sau:

► Thủ tục cấp C/O giấy: Là thủ tục mà Giấy CNXX (C/O) được cấp bởi Cơ quan có thẩm quyền trực tiếp cho nhà xuất khẩu dưới hình thức văn bản giấy;

► Thủ tục cấp C/O điện tử: Là thủ tục mà C/O được cấp bởi Cơ quan có thẩm quyền cho nhà xuất khẩu dưới dạng điện tử, với chữ ký điện tử (e-C/O);

► Thủ tục cấp C/O điện tử truyền dẫn tự động: Là thủ tục mà C/O được cấp bởi Cơ quan có thẩm quyền cho nhà xuất khẩu theo dạng điện tử, với chữ ký điện tử và sau đó truyền dẫn trực tiếp từ Cơ quan cấp tới Hải quan nước nhập khẩu thông qua Hệ thống truyền dẫn chung.

Với nhóm thủ tục tự CNXX, trong các FTA mà Việt Nam tham gia, có 04 loại tự chứng nhận xuất xứ được ghi nhận, bao gồm:

- Tự CNXX bởi Nhà xuất khẩu cho lô hàng có giá trị nhỏ: Với các lô hàng có giá trị dưới một mức tối đa quy định bởi FTA liên quan, nhà xuất khẩu có thể thực hiện CNXX cho hàng hóa bằng cách đóng dấu/ghi CNXX lên Hóa đơn;
- Tự CNXX bởi Nhà xuất khẩu được phê duyệt: Nhà xuất khẩu đáp ứng các điều kiện nhất định được phê chuẩn bởi Cơ quan có thẩm quyền sẽ được tự CNXX cho hàng hóa xuất khẩu của mình;
- Tự CNXX bởi Nhà xuất khẩu: Bất kỳ Nhà xuất khẩu nào cũng có thể tự CNXX cho hàng hóa xuất khẩu của mình;
- Tự CNXX bởi Nhà nhập khẩu: Bất kỳ Nhà nhập khẩu nào cũng có thể tự CNXX cho hàng hóa mình nhập khẩu.

Trong khi thủ tục CNXX truyền thống được cam kết tại tất cả các FTA, các thủ tục tự CNXX chỉ được ghi nhận trong một số FTA thế hệ mới hoặc mới được cập nhật (bao gồm ATIGA, CPTPP, EVFTA, UKVFTA và RCEP).

Các thủ tục CNXX theo FTA đang thực thi trên thực tế

Các thủ tục CNXX cam kết trong các FTA được thực hiện trên thực tế theo lộ trình được quy định.

Tính tới cuối năm 2024, trong khi tất cả các thủ tục CNXX truyền thống đều đang được triển khai theo các FTA, chỉ có 02 thủ tục tự CNXX đang thực hiện trên thực tế, bao gồm thủ tục tự CNXX cho lô hàng nhỏ (theo CPTPP, EVFTA, UKVFTA) và thủ tục tự CNXX bởi nhà xuất khẩu được phê duyệt (theo ATIGA, RCEP). Các thủ tục tự CNXX còn lại hoặc là chưa tới lộ trình thực hiện (CPTPP xác định lộ trình thực hiện muộn nhất là từ 2029), hoặc là chưa xác định lộ trình thực hiện (EVFTA, UKVFTA, RCEP).

Ngoài ra, trên thực tế, từ 2018 đến nay, doanh nghiệp Việt Nam còn thực hiện một loại thủ tục CNXX khác (không thuộc diện FTA) là Thủ tục tự CNXX bởi nhà xuất khẩu đã đăng ký tự động theo Cơ chế ưu đãi thuế quan phổ cập đơn phương (GSP) vào các thị trường EU, Na Uy, Thụy Sỹ và Thổ Nhĩ Kỳ (Cơ chế tự CNXX qua hệ thống REX). Hiện tại cơ chế REX này chỉ còn áp dụng với hàng hóa xuất khẩu sang Na Uy, Thụy Sỹ, tuy nhiên đây vẫn là thủ tục CNXX được đánh giá cao do mô hình hiện đại, thuận lợi cho doanh nghiệp.

Tóm lược các thủ tục CNXX theo các FTA của Việt Nam

FTA	Thủ tục CNXX cam kết	Thủ tục CNXX đã tới lộ trình thực hiện
FTA ASEAN - Ấn Độ (AIFTA)	C/O giấy	
FTA ASEAN-Australia-New Zealand (AANZFTA) FTA ASEAN-Nhật Bản (AJCEP) FTA Việt Nam – Nhật Bản (VJEPA) FTA ASEAN – Hồng Kông, Trung Quốc (AHKFTA) FTA Việt Nam – Chile (VCFTA) FTA ASEAN – Trung Quốc (ACFTA)	C/O điện tử	
FTA Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA) FTA ASEAN-Hàn Quốc (AKFTA) (một phần[1])	C/O điện tử truyền dẫn tự động	
FTA ASEAN (ATIGA)	- C/O điện tử truyền dẫn tự động - Tự CNXX bởi Nhà xuất khẩu được phê duyệt	
Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)	- C/O điện tử - Tự CNXX cho lô hàng nhỏ - Tự CNXX bởi Nhà sản xuất, Nhà xuất khẩu, Nhà nhập khẩu	- C/O điện tử - Tự CNXX cho lô hàng nhỏ
FTA Việt Nam – EU (EVFTA) FTA Việt Nam – Vương quốc Anh và Bắc Ai len (UKVFTA)	- C/O Giấy - Tự CNXX cho lô hàng nhỏ - Tự CNXX bởi Nhà sản xuất, Nhà xuất khẩu bất kỳ	- C/O Giấy - Tự CNXX cho lô hàng nhỏ
Hiệp định Đối tác Toàn diện Khu vực (RCEP)	- C/O điện tử - Tự CNXX bởi Nhà xuất khẩu được phê duyệt - Tự CNXX bởi Nhà sản xuất, Nhà xuất khẩu bất kỳ	- C/O điện tử - Tự CNXX bởi Nhà xuất khẩu được phê duyệt

Nguồn: Tổng hợp của TTWTO – VCCI, 2024

[1] *Với VKFTA và AKFTA, việc truyền dẫn tự động C/O điện tử sau khi cấp cho hải quan đối tác mới được thực hiện từ 01/07/2023 theo Bản ghi nhớ về hệ thống trao đổi dữ liệu xuất xứ điện tử (EODES) nhằm tạo thuận lợi trong thực thi FTA giữa Bộ Công Thương Việt Nam, Tổng cục Hải quan Việt Nam và Tổng cục Hải quan Hàn Quốc được ký tháng 10/2022. Riêng với AKFTA, việc truyền dẫn tự động chỉ thực hiện song phương Việt Nam – Hàn Quốc mà không áp dụng với hàng hóa có C/O mẫu AK xuất nhập khẩu giữa Việt Nam với các nước ASEAN*

Doanh nghiệp chấm điểm các thủ tục CNXX theo FTA

Chấm điểm các thủ tục CNXX

Như đã đề cập, hiện doanh nghiệp Việt Nam hầu hết chỉ quen thuộc với các thủ tục CNXX truyền thống theo FTA, và chỉ có một số ít từng biết tới thủ tục tự CNXX cho lô hàng nhỏ hoặc tự CNXX bởi nhà xuất khẩu được phê duyệt. Tuy nhiên để có cái nhìn tổng quát có giá trị so sánh về các thủ tục CNXX theo các FTA ở Việt Nam, Khảo sát vẫn đề nghị doanh nghiệp cho đánh giá về tất cả các loại thủ tục CNXX được cam kết trong các FTA. Với những trường hợp thủ tục CNXX không quen thuộc (tự CNXX), doanh nghiệp sẽ được mô tả ngắn gọn về tính chất và cách thức vận hành của thủ tục CNXX liên quan để bảo đảm doanh nghiệp hiểu đúng về thủ tục này, qua đó đưa ra các đánh giá của mình dù chưa được trải nghiệm thủ tục đó trên thực tế.

Kết quả Khảo sát cho thấy ***các thủ tục CNXX truyền thống dạng điện tử (e-C/O) được doanh nghiệp đánh giá cao nhất***

Cụ thể, có 46,4% doanh nghiệp lựa chọn thủ tục cấp e-C/O truyền dẫn tự động là thuận lợi và dễ dàng nhất trong số các thủ tục CNXX FTA của Việt Nam, thủ tục cấp e-C/O thông thường cũng được lựa chọn bởi 24,5% doanh nghiệp. Đây là kết quả khá bất ngờ khi phần lớn doanh nghiệp Việt Nam cho thấy sự hài lòng với các thủ tục cấp CNXX đang áp dụng[2], trong khi các thủ tục tự CNXX hiện đại được giới chuyên gia quốc tế thúc đẩy lại được rất ít doanh nghiệp đánh giá cao (chỉ từ 1,8%-12,6% doanh nghiệp lựa chọn).

Kết quả phỏng vấn trực tiếp các doanh nghiệp cho thấy có nhiều lý do cho sự lựa chọn này của doanh nghiệp:

[2] *Hiện tại, ngoại trừ 04 FTA chưa cho phép áp dụng e-CO (gồm EVFTA, UKVFTA, AIFTA và FTA VN-EAEU), tất cả các FTA khác của Việt Nam đều đang áp dụng một trong hai thủ tục CNXX dạng điện tử*

Thứ nhất, các thủ tục C/O điện tử thuận tiện, nhanh chóng, minh bạch, an toàn (không sợ mất, hỏng rách) và tiết kiệm chi phí (đi lại, in ấn, gửi chứng từ...) bởi chúng được thực hiện hoàn toàn trực tuyến (từ khai Mẫu C/O, nộp chứng từ/tài liệu chứng minh, trả phí và cả việc cấp C/O). Thậm chí với e-C/O truyền dẫn tự động, nhà nhập khẩu còn không cần phải xuất trình giấy tờ nào liên quan đến C/O khi làm thủ tục hải quan.

Thứ hai, trong so sánh với tự CNXX, với các hình thức cấp C/O truyền thống này, doanh nghiệp vẫn cảm thấy yên tâm và an toàn hơn khi được Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính đầy đủ, chính xác của hồ sơ xin CNXX (chỉ khi hồ sơ, QTXX đúng/hợp lệ thì C/O mới được cấp) thay vì phải tự mình kiểm tra, đánh giá và chịu trách nhiệm hoàn toàn về hồ sơ này.

Dù không được đánh giá cao bằng các thủ tục CNXX dạng điện tử, ***tự CNXX bởi nhà xuất khẩu đã đăng ký tự động được 12,61% doanh nghiệp lựa chọn là thủ tục thuận lợi và dễ dàng nhất, cao hơn nhiều so với các thủ tục tự CNXX còn lại (1,8%-3.6%).***

Lý do được doanh nghiệp đưa ra là thủ tục tự CNXX bởi nhà xuất khẩu đăng ký tự động vừa có các ưu thế của tự CNXX (doanh nghiệp được chủ động CNXX cho lô hàng xuất khẩu) nhưng lại vừa có lợi thế của CNXX truyền thống (Cơ quan có thẩm quyền vẫn quản lý tương đối – thông qua việc cấp mã số REX và theo dõi hồ sơ REX của lô hàng đã tự CNXX).

Chỉ có từ 1,8%-3,6% doanh nghiệp lựa chọn các hình thức tự CNXX FTA là dễ thực hiện nhất. Kết quả này dường như trái với suy đoán của nhiều chuyên gia quốc tế khi cho rằng doanh nghiệp sẽ thích tự CNXX nhất bởi thủ tục này cho phép doanh nghiệp chủ động hoàn toàn về việc CNXX cho lô hàng mà không mất nhiều chi phí hay phụ thuộc vào Cơ quan cấp C/O.

Trên thực tế, phỏng vấn doanh nghiệp lại cho thấy kết quả này không phải là không có lý do:

Với thủ tục tự CNXX bởi nhà xuất khẩu được phê duyệt, doanh nghiệp ít lựa chọn bởi điều kiện để được xem xét phê duyệt tự CNXX rất khắt khe, khiến thủ tục này dường như không khả thi với phần lớn các doanh nghiệp.

Với thủ tục tự CNXX cho lô hàng nhỏ, vì giá trị lô hàng bị giới hạn ở mức thấp nên doanh nghiệp chỉ có thể sử dụng thủ tục tự CNXX này cho những lô hàng mẫu hoặc mua thử, không áp dụng được cho các lô hàng xuất khẩu thông thường. Do đó, doanh nghiệp cũng không mặn mà với thủ tục này.

Với thủ tục tự CNXX bởi nhà xuất khẩu bất kỳ, dù được chủ động trong toàn bộ quy trình CNXX, không phải phụ thuộc vào bất kỳ cơ quan, tổ chức nào khác, doanh nghiệp lại lo ngại sự chủ động toàn bộ này có thể dẫn tới việc doanh nghiệp bỏ sót các lỗi không mong muốn mà tự doanh nghiệp không thể nhận diện được (trong diễn giải nội dung QTXX, bảo đảm tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ chứng từ...), dẫn tới những rủi ro về pháp lý sau này khi bị thanh kiểm tra.

Thủ tục tự CNXX bởi nhà nhập khẩu đạt điểm số thấp nhất, với chỉ 1,8% doanh nghiệp lựa chọn. Trả lời phỏng vấn về lý do không lựa chọn thủ tục này, doanh nghiệp cho rằng với một thủ tục mà mình phải chia sẻ, cung cấp cho đối tác nhập khẩu tất cả thông tin, chứng từ liên quan tới quy trình sản xuất, các trị giá nguyên phụ liệu, nhân công... thì quá mức rủi ro. Họ không muốn làm lộ bí mật kinh doanh của mình qua thủ tục này.

Hình 1 - Thủ tục CNXX thuận lợi và dễ dàng nhất theo đánh giá của doanh nghiệp

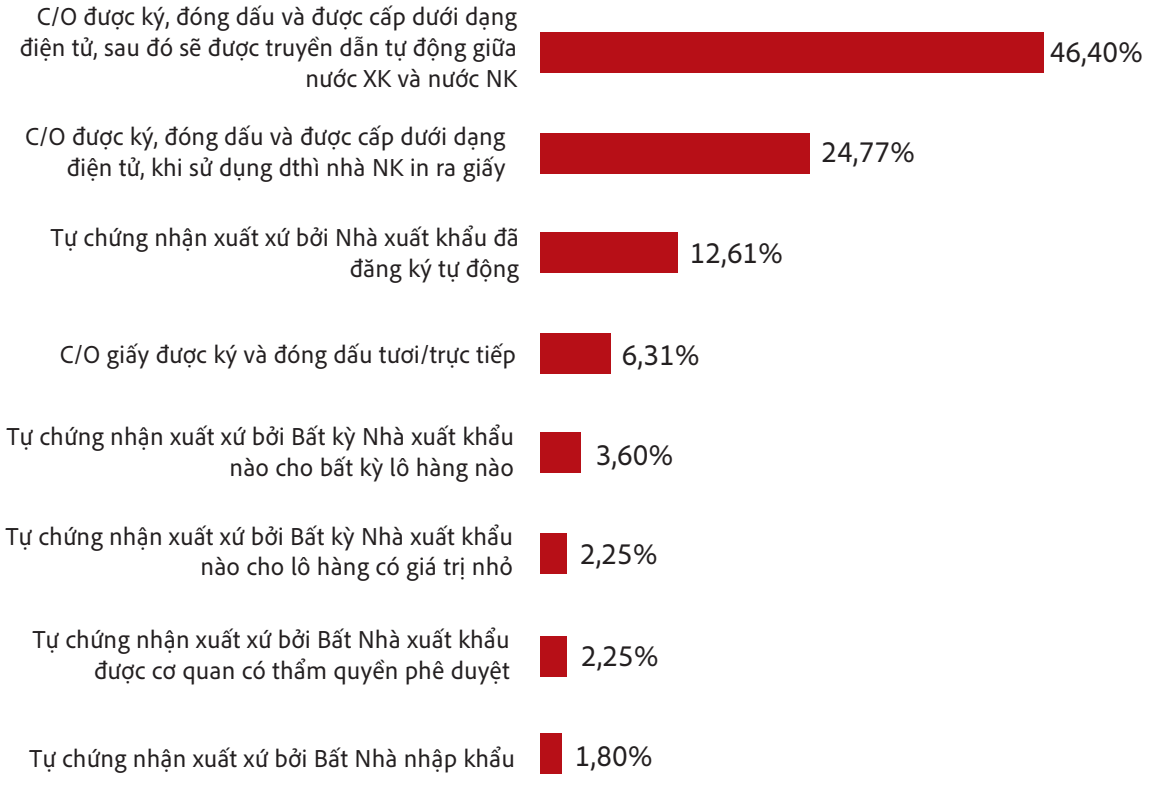

Nguồn: Khảo sát của TTWTO – VCCI 2024

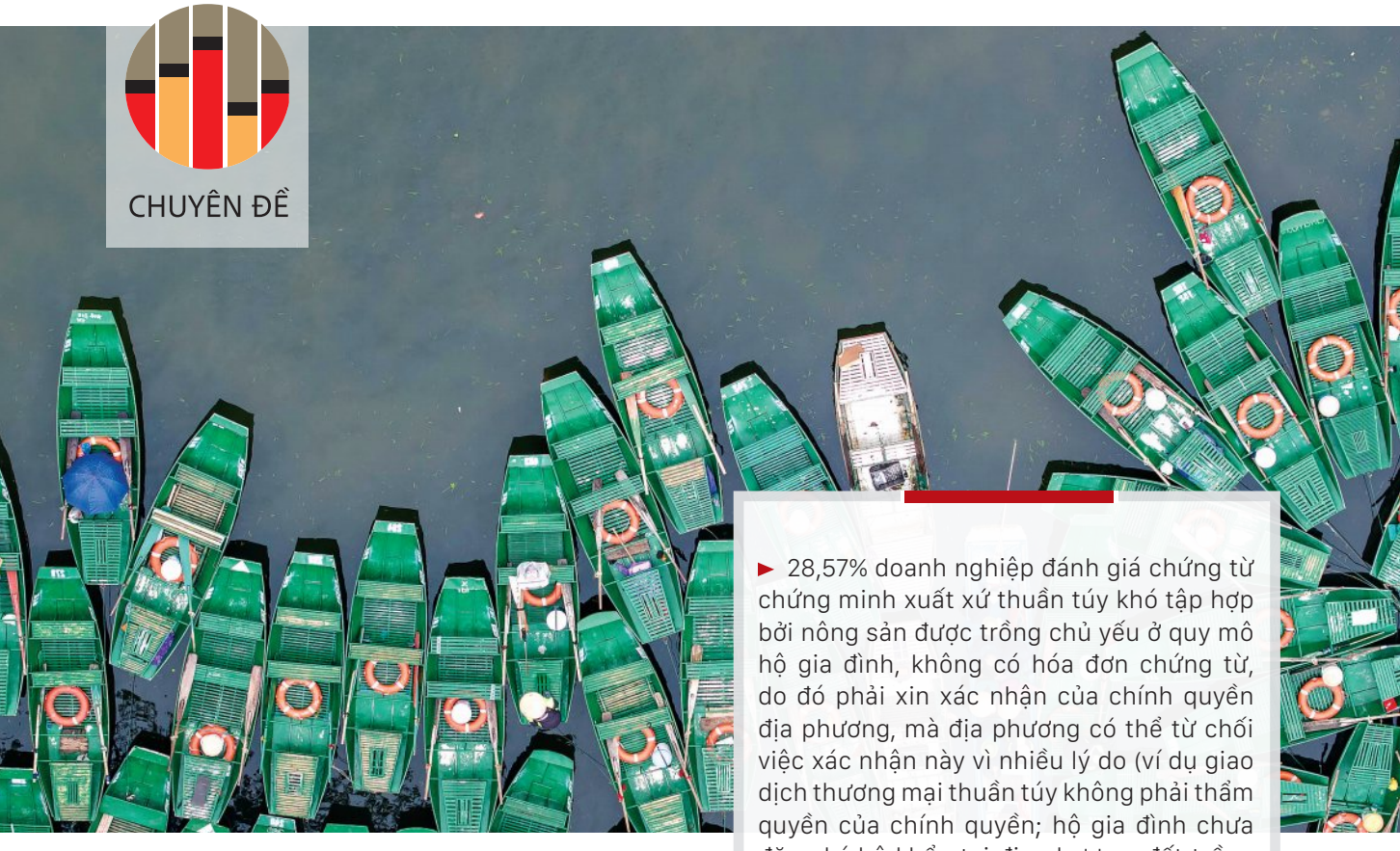

Chấm điểm các quy trình chuẩn bị hồ sơ CNXX

• Về việc tập hợp chứng từ chứng minh xuất xứ

Chứng từ chứng minh hàng hóa đáp ứng QTXX theo FTA là nhóm chứng từ cốt lõi nhất trong hồ sơ CNXX hàng hóa. Tùy thuộc vào QTXX mặt hàng và hiện trạng sản xuất, cung ứng của doanh nghiệp mà các chứng từ cần tập hợp cho mỗi lô hàng sẽ khác nhau. Tuy nhiên, có một số loại chứng từ phổ biến như chứng từ chứng minh xuất xứ thuần túy, chứng từ để sử dụng nguyên tắc cộng gộp, chứng từ chứng minh sản xuất vượt ngưỡng gia công đơn giản.

Kết quả Khảo sát cho thấy ***đa phần các doanh nghiệp đánh giá việc tập hợp chứng từ xuất xứ nói chung là "bình thường", không khó cũng không dễ*** (tỷ lệ dao động từ 54,6%-60%).

Mặc dù vậy, cũng có một tỷ lệ tương đối (28,57% - 37,06%) các doanh nghiệp đánh giá việc tập hợp các chứng từ này là "khó, rất khó" với những lý do rõ ràng:

► 28,57% doanh nghiệp đánh giá chứng từ chứng minh xuất xứ thuần túy khó tập hợp bởi nông sản được trồng chủ yếu ở quy mô hộ gia đình, không có hóa đơn chứng từ, do đó phải xin xác nhận của chính quyền địa phương, mà địa phương có thể từ chối việc xác nhận này vì nhiều lý do (ví dụ giao dịch thương mại thuần túy không phải thẩm quyền của chính quyền; hộ gia đình chưa đăng ký hộ khẩu tại địa phương; đất trồng nông sản đang có tranh chấp...);

► 33,1% doanh nghiệp cho rằng việc tập hợp chứng từ chứng minh về nguyên liệu cộng gộp là khó khăn bởi nguyên liệu dùng để sản xuất hàng hóa được mua từ nhiều nguồn khác nhau, nếu là nhập khẩu thì chứng từ khá rõ ràng trong khi nếu thu mua nguyên liệu nội địa thì chứng từ khó khăn hơn nhiều (lý do tương tự chứng từ chứng minh xuất xứ thuần túy). Ngoài ra, đối với một số trường hợp (ví dụ cộng gộp xuất xứ cho vải theo EVFTA và UKVFTA), hiện chưa có hướng dẫn đồng bộ nào về các loại giấy tờ cần cung cấp để chứng minh nguyên liệu cộng gộp;

► 37,06% doanh nghiệp gặp khó khăn với chứng từ chứng minh sản xuất vượt ngưỡng gia công đơn giản, với lý do chủ yếu là chu trình gia công, chế biến của doanh nghiệp bao gồm nhiều công đoạn, trong đó có những công đoạn không dễ để chứng minh là đơn giản hay không đơn giản.

Hình 2 – Mức độ thuận lợi của việc tập hợp các chứng từ chứng minh xuất xứ

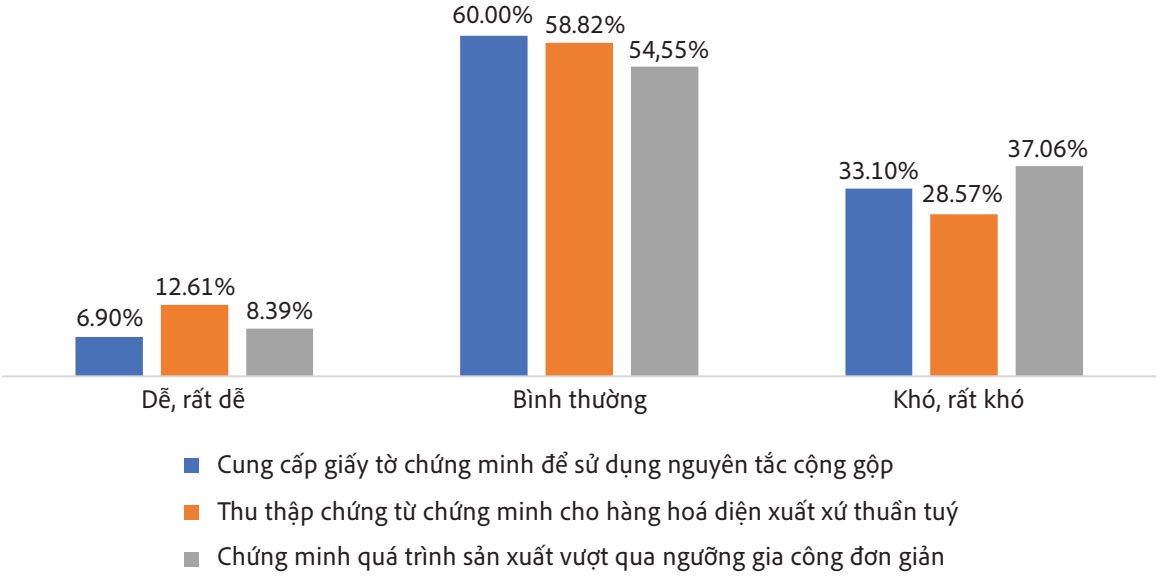

Nguồn: Khảo sát của TTWTO – VCCI 2024

• Về việc tập hợp chứng từ liên quan tới nước thứ ba

Ngoài chứng từ chứng minh xuất xứ, hồ sơ CNXX hàng hóa còn bao gồm một/một số chứng từ liên quan tới nước thứ ba như chứng từ vận chuyển trực tiếp, hóa đơn bên thứ 3, C/O giáp lưng. Khảo sát đã hỏi doanh nghiệp về mức độ thuận lợi trong việc tập hợp các chứng từ này.

Kết quả Khảo sát cho thấy ***có sự tương đồng đáng kể giữa mức độ phổ biến của các loại chứng từ liên quan tới nước thứ ba và mức độ dễ dàng trong việc tập hợp các chứng từ này***. Cụ thể:

► Các chứng từ về vận chuyển trực tiếp được biết tới nhiều nhất thì cũng có tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá là "dễ, rất dễ" cao nhất (22,4%), trong khi chỉ 13% đánh giá việc tập hợp các chứng từ này là khó khăn, thấp nhất trong ba loại chứng từ liên quan tới nước thứ ba. Với các doanh nghiệp đánh giá thủ tục này là dễ, lý do chủ yếu là hàng hóa của doanh nghiệp hầu hết được vận chuyển trực tiếp mà không quá cảnh qua nước thứ ba hoặc nếu có thì vẫn được để nguyên trong container không bị dỡ ra nên không gặp khó khăn để chứng minh vận chuyển trực tiếp.

► Việc tập hợp chứng từ liên quan tới hóa đơn bên thứ ba khó khăn hơn với 18,1% doanh nghiệp đánh giá là "khó, rất khó", cao hơn chút ít so với tỷ lệ đánh giá "dễ, rất dễ" (17%). Nhiều doanh nghiệp cho biết họ không thể chủ động tập hợp các giấy tờ chứng minh liên quan tới hóa đơn bên thứ ba mà phụ thuộc vào đối tác.

► Việc xin C/O giáp lưng mặc dù không thường xuyên nhưng có đến 33% doanh nghiệp đánh giá "khó, rất khó", trong khi chỉ 6,4% cho rằng việc này "dễ, rất dễ". Theo doanh nghiệp, nếu hàng hóa vẫn để nguyên trong container nhập khẩu thì việc xin C/O giáp lưng có thể không khó khăn, tuy nhiên hàng hóa thường được dỡ khỏi container, do đó việc chứng minh hàng hóa không thay đổi về tính chất và đáp ứng các yêu cầu về C/O giáp lưng là rất phức tạp, tốn nhiều thời gian, công sức.

Hình 3 – Mức độ thuận lợi của việc tập hợp các chứng từ liên quan đến nước thứ ba

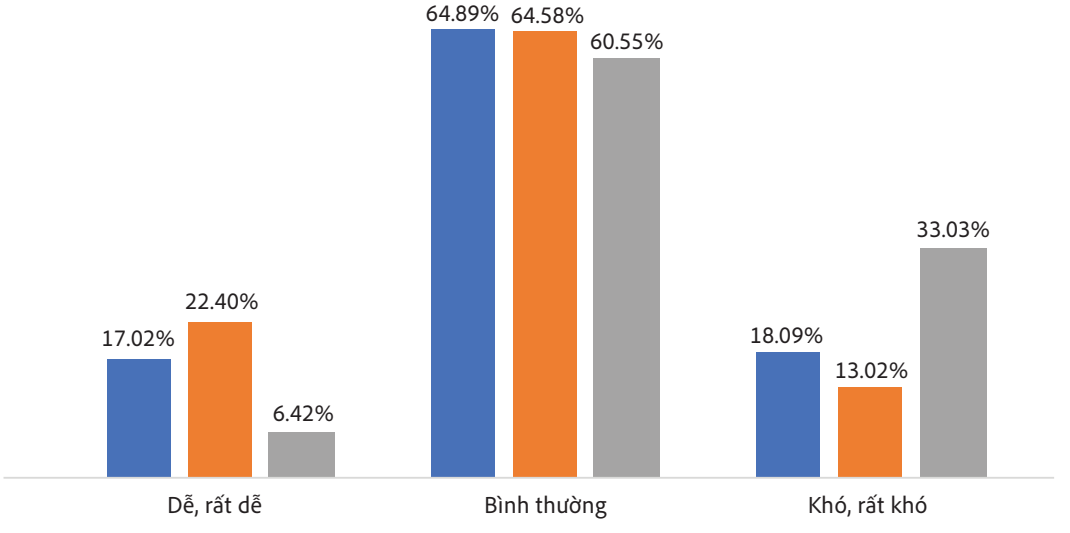

- Đáp ứng các yêu cầu chứng minh trong trường hợp có "hóa đơn bên thứ ba/nước thứ ba"
- Cung cấp bằng chứng chứng minh hàng hóa được "vận chuyển trực tiếp" (từ nước xuất khẩu tới nước nhập khẩu)
- Xin C/O giáp lưng (back-to-back C/O) cho các lô hàng bị chia nhỏ hoặc các trường hợp cần thiết khác

Nguồn: Khảo sát của TTWTO – VCCI 2024

• Chấm điểm các quy trình quản trị thủ tục, hồ sơ chứng từ

Quản trị chứng từ và thủ tục CNXX được xem là một công việc quan trọng, hỗ trợ hiệu quả cho doanh nghiệp trong việc CNXX cũng như phục vụ công tác kiểm tra hậu C/O...

Các công việc quản trị chứng từ và thủ tục CNXX chủ yếu bao gồm việc xác định đúng QTXX cho lô hàng, xác định thủ tục CNXX theo FTA liên quan và lưu trữ chứng từ CNXX sau khi lô hàng đã có C/O.

Kết quả Khảo sát cho thấy d***oanh nghiệp vẫn gặp khó trong việc quản trị chứng từ và thủ tục CNXX dù các công việc này phải thực hiện thường xuyên.*** Cụ thể:

► Đối với việc *xác định đúng QTXX theo FTA* để hưởng ưu đãi, 14% doanh nghiệp cho rằng việc này là "dễ, rất dễ", trong khi có tới 20,7% đánh giá đây là việc "khó, rất khó". Nhóm đánh giá dễ thường xuất khẩu các loại nông sản, với QTXX cơ bản là giống nhau giữa các FTA, nếu có khác cũng chỉ là khác biệt nhỏ (ví dụ QTXX thuần túy một nước hay QTXX nội khối...) hoặc chỉ sử dụng thường xuyên một FTA nhất định. Trong khi đó, nhóm đánh giá là khó thường xuất khẩu các mặt hàng công nghiệp, với QTXX mặt hàng khác biệt giữa các FTA, thậm chí có các loại QTXX mặt hàng khác nhau trong cùng một FTA;

► Với việc *xác định và tuân thủ đúng thủ tục CNXX theo FTA*, chỉ có 7% doanh nghiệp đánh giá việc này "dễ, rất dễ", trong khi số doanh nghiệp cho rằng đây là việc "khó, rất khó" cao hơn gấp 5 lần (30,7%). Doanh nghiệp cho biết các thủ tục CNXX theo các FTA trong tổng thể gần giống nhau, nên nhìn chung không quá khó. Tuy nhiên thủ tục theo mỗi FTA thường sẽ có một vài điểm riêng khác biệt mà doanh nghiệp chỉ cần không chú ý sẽ dẫn tới nhầm lẫn, thực hiện sai, có khi phải làm lại, gây mất thời gian, công sức, đôi khi làm chậm thời hạn yêu cầu;

► Với việc *lưu trữ các chứng từ xuất xứ sau khi lô hàng đã được CNXX* mặc dù có tỷ lệ đánh giá là "dễ, rất dễ" cao hơn so với hai công việc trên (12,1%), vẫn có tới 19,7% doanh nghiệp cho rằng việc này là "khó, rất khó". Lý do chủ yếu là doanh nghiệp phải lưu giữ nhiều loại chứng từ gốc bằng giấy, trong khi số lượng lưu trữ lớn, điều này khiến cho việc tìm kiếm lại các chứng từ cũ rất khó khăn.

Hình 4 – Mức độ thuận lợi của các công việc quản trị chứng từ và thủ tục CNXX

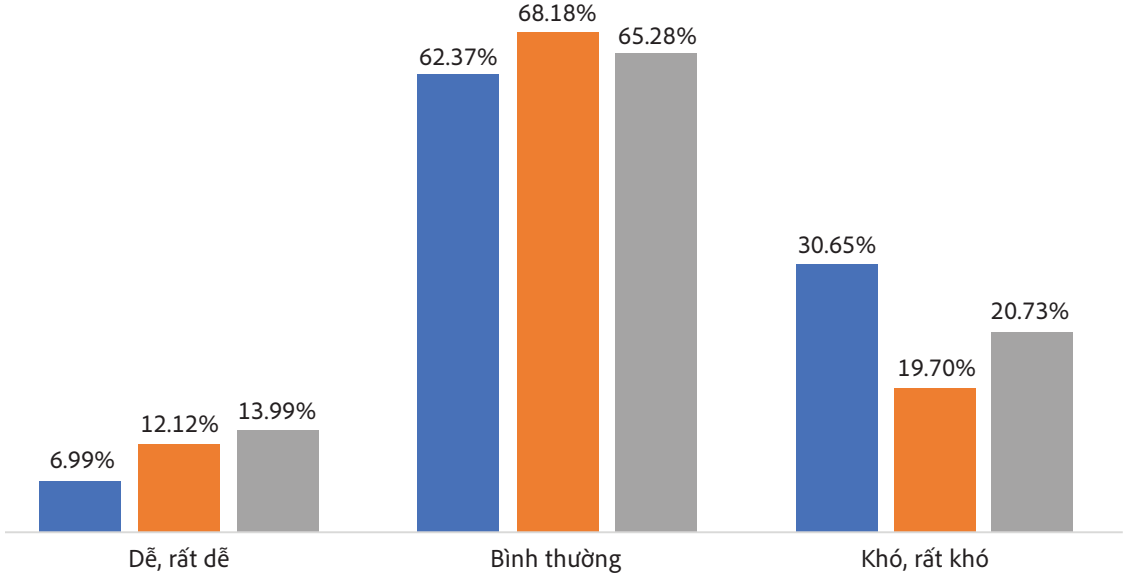

- Xoay xở với các thủ tục CNXX khác nhau theo từng FTA muốn sử dụng ưu đãi
- Tập hợp và lưu trữ các chứng từ liên quan tới chứng nhận xuất xứ
- Xác định đúng QTXX áp dụng cho lô hàng để điền Tờ khai C/O

Nguồn: Khảo sát của TTWTO – VCCI 2024

Doanh nghiệp gợi ý giải pháp cải thiện thủ tục CNXX

Các giải pháp cải cách tổng thể

Khảo sát cho thấy trong đánh giá của doanh nghiệp, so với trước đây, các thủ tục CNXX theo FTA truyền thống hiện đã được cải thiện đáng kể theo hướng thuận lợi, minh bạch và ít tốn kém thời gian, tiền bạc của doanh nghiệp hơn.

Tuy nhiên doanh nghiệp vẫn cho rằng thực tế thực hiện các thủ tục CNXX còn nhiều vướng mắc, khó khăn cần được khắc phục. Đây có lẽ là lý do chủ yếu khiến phần lớn các doanh nghiệp thống nhất với các định hướng lớn trong cải thiện các thủ tục CNXX đang được cộng đồng quốc tế thúc đẩy hiện nay. Cụ thể:

► *Thứ nhất*, doanh nghiệp đồng ý rằng cần ***đơn giản hơn nữa thủ tục CNXX*** thông qua việc (i) lược bớt các chứng từ yêu cầu trong hồ sơ xin cấp C/O (ví dụ: các chứng từ đã được doanh nghiệp cung cấp trong các bộ hồ sơ xin C/O trước đó, các chứng từ chỉ có tính bổ trợ thêm thông tin, các chứng từ không bắt buộc phải có...); (ii) quy định rõ ràng về các chứng từ cần có trong hồ sơ xin CNXX và không yêu cầu các chứng từ nào khác trừ khi có lý do chính đáng phù hợp với quy định pháp luật.

► *Thứ hai*, cần ***minh bạch hơn nữa thủ tục CNXX*** thông qua việc (i) cập nhật và công khai thông tin về các cam kết FTA mới/sửa đổi về thủ tục CNXX và các quy định pháp luật nội địa cập nhật liên quan; (ii) trường hợp có yêu cầu bổ sung về chứng từ hoặc thủ tục CNXX thì cần nêu rõ lý do.

► *Thứ ba*, cần ***rút ngắn hơn nữa thời gian xem xét, cấp C/O***, thậm chí có thể xem xét thí điểm việc cấp C/O tự động cho các doanh nghiệp có lịch sử tuân thủ tốt trên cơ sở hồ sơ CNXX khai báo đầy đủ và hợp lệ (tương tự như hệ thống luồng xanh của hải quan).

► *Cuối cùng*, cần ***thúc đẩy từng bước thủ tục Tự CNXX bởi nhà xuất khẩu*** ở Việt Nam thông qua việc (i) tuyên truyền, phổ biến về Tự CNXX và hướng dẫn, đào tạo để doanh nghiệp có đủ năng lực và tự tin với Tự CNXX; (ii) thí điểm tự CNXX từng bước để doanh nghiệp làm quen, chuẩn bị cho việc thực hiện Tự CNXX hoàn toàn theo các Hiệp định CPTPP, EVFTA, UKVFTA.

Những gợi ý cải thiện cụ thể

Bên cạnh các định hướng cải cách chung, từ thực tiễn làm thủ tục CNXX theo FTA, các doanh nghiệp cũng đưa ra một số đề xuất cụ thể liên quan tới quy trình CNXX điện tử và hồ sơ CNXX rất đáng chú ý. Sau đây là tổng hợp các kiến nghị cụ thể của doanh nghiệp mà Khảo sát tổng hợp được từ cả phiếu điều tra và ghi chép phỏng vấn doanh nghiệp tham gia.

Các gợi ý nhằm cải thiện quy trình CNXX điện tử

Hiện tại, ngoại trừ 04 FTA chưa cho phép áp dụng e-CO (gồm EVFTA, UKVFTA, AIFTA và FTA VN-EAEU), tất cả các FTA khác của Việt Nam đều đang áp dụng thủ tục CNXX dạng điện tử. Như vậy, việc xin CNXX cho lô hàng trong phần lớn các FTA của Việt Nam đã được điện tử hóa toàn bộ quy trình. Tuy nhiên, ở một số bước, cách thiết kế quy trình còn một số hạn chế, chưa thân thiện với người sử dụng. Doanh nghiệp có nêu ra một số vấn đề và đề xuất các giải pháp cải thiện tương ứng. Cụ thể:

► *Thứ nhất*, hệ thống C/O điện tử đôi khi bị lỗi, do đó cần có các giải pháp để việc vận hành ổn định, thông suốt và an toàn (để không ảnh hưởng đến việc khai báo, xuất trình CNXX của doanh nghiệp).

► *Thứ hai*, mẫu e-C/O theo từng FTA được nêu trên Hệ thống CNXX điện tử hiện được thiết kế cứng (không thể chỉnh sửa), dẫn tới nhiều trường hợp doanh nghiệp không thể điền theo đúng các thông tin trên chứng từ (ví dụ L/C có thông tin đặc biệt), do đó cần có giải pháp thích hợp cho phép doanh nghiệp có thể điều chỉnh, điền vào Mẫu theo đúng thực tế chứng từ.

► *Thứ ba*, hệ thống quản lý e-C/O hiện chưa kết nối với các hệ thống dịch vụ công khác, dẫn đến việc doanh nghiệp trong một số trường hợp phải chứng minh, xuất trình lặp lại các chứng từ. Do đó, doanh nghiệp đã đề xuất kết nối hệ thống quản lý e-C/O với hệ thống của các cơ quan liên quan để đối chiếu hồ sơ thuận lợi hơn, từ đó giảm bớt các chứng từ cần cung cấp.

► *Thứ tư*, cần cải thiện hơn nữa đối với quy trình C/O giấy (hiện đang áp dụng theo EVFTA, UKVFTA và AIFTA).

Thực tế thủ tục cấp C/O giấy đã gần như được điện tử hóa toàn bộ, ngoại trừ việc doanh nghiệp phải nộp Tờ khai và in Mẫu C/O giấy cho Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, ký và đóng dấu để phát hành. Tuy nhiên, nhằm đơn giản hóa, điện tử hóa tối đa thủ tục cấp C/O giấy, doanh nghiệp đề xuất nên thực hiện việc khai báo và điền thông tin vào Mẫu C/O hoàn toàn điện tử, sau đó Cơ quan có thẩm quyền sẽ thực hiện kiểm tra, nếu chấp nhận thì Cơ quan này tự in C/O giấy và ký, đóng dấu, gửi cho doanh nghiệp qua đường bưu điện; doanh nghiệp thực hiện việc ký và đóng dấu vào C/O giấy sau khi nhận được C/O. Giải pháp này đem lại nhiều lợi ích cho cả doanh nghiệp (giúp tiết kiệm chi phí và thời gian) và cả cơ quan quản lý (không phải kiểm soát số lượng Mẫu C/O giấy đã cấp phát cho doanh nghiệp).

Cùng với đó, nhiều doanh nghiệp đề xuất Chính phủ thúc đẩy đàm phán tích cực với các đối tác để chuyển sang hình thức cấp e-C/O.

Các gợi ý nhằm cải thiện hồ sơ CNXX

Theo khảo sát, doanh nghiệp gặp nhiều vướng mắc trong việc tập hợp đầy đủ hồ sơ chứng từ về xuất xứ. Liên quan đến vấn đề này, doanh nghiệp đã phản ảnh một số vấn đề, đồng thời đưa ra các giải pháp xử lý tương ứng.

► *Thứ nhất*, về các loại chứng từ cần nộp, theo doanh nghiệp, đôi khi vẫn tồn tại tình trạng không thống nhất về các loại chứng từ cần nộp trong hồ sơ chứng từ xin C/O. Ví dụ cùng một hồ sơ chứng từ xin C/O theo một FTA cho cùng một loại hàng hóa nhưng có những loại chứng từ mà phòng quản lý xuất nhập khẩu ở khu vực này yêu cầu trong khi phòng quản lý xuất nhập khẩu ở khu vực khác lại không yêu cầu, hoặc cùng một phòng quản lý xuất nhập khẩu nhưng lần trước không yêu cầu, lần sau lại yêu cầu.

Trên thực tế, tình trạng này có thể phát sinh trong một số trường hợp đặc thù (ví dụ các đợt kiểm tra tăng cường đối với các loại hàng hóa, thị trường xuất khẩu có nguy cơ gian lận thương mại cao; hoặc doanh nghiệp lần đầu xin C/O cần có hồ sơ chứa đựng nhiều thông tin hơn để xác minh năng lực...).

Tuy nhiên, doanh nghiệp lại thường không được thông tin đầy đủ, minh bạch về lý do bị yêu cầu thêm các chứng từ "bất bình thường". Do đó, doanh nghiệp đưa ra khuyến nghị cần có quy định thống nhất về các loại chứng từ CNXX cần nộp, công khai rộng rãi cho doanh nghiệp và áp dụng thống nhất giữa các phòng quản lý xuất nhập khẩu; trường hợp có yêu cầu chứng từ ngoài quy định cần nêu rõ lý do phù hợp.

► *Thứ hai*, với một số chứng từ khó tập hợp do các nguyên nhân khách quan, doanh nghiệp cho rằng cần có giải pháp xử lý tích cực hơn. Cụ thể, nhiều doanh nghiệp phản ánh đôi khi không thể tập hợp được một số chứng từ chứng minh xuất xứ vì các lý do khách quan (chủ yếu liên quan tới xác nhận của địa phương về sản phẩm/vùng trồng đối với xuất xứ thuần túy). Việc thiếu các chứng từ khiến doanh nghiệp không thể hoàn thành hồ sơ CNXX theo yêu cầu để hàng hóa xuất khẩu được hưởng ưu đãi thuế quan. Do đó, với các trường hợp này, doanh nghiệp đề xuất việc cho phép xuất trình các giấy tờ khác thay thế (ví dụ phiếu thu mua nguyên liệu, bản sao đăng ký tạm trú/hộ khẩu/sổ đỏ có địa chỉ vùng trồng nguyên liệu của người bán...) kèm theo bản cam kết tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp.

Tóm lại, từ thực tế trải nghiệm của doanh nghiệp, các thủ tục CNXX được đánh giá là không khó, thậm chí là dễ dàng, nhất là với các FTA đã quen thuộc và với các cải cách theo hướng điện tử hóa như hiện nay. Mặc dù vậy, vẫn tồn tại khá nhiều các vướng mắc, bất cập trong việc thực hiện các thủ tục CNXX, doanh nghiệp bởi vậy cũng đề xuất nhiều giải pháp khác nhau nhằm cải thiện vấn đề này, từ đó nâng cao tỷ lệ tận dụng ưu đãi thuế quan FTA.

THÔNG TIN VỀ HỘI NHẬP CUNG CẤP BỞI TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP – VCCI

- Website www.trungtamwto.vn (tiếng Việt) và www.wtocenter.vn (tiếng Anh)
- Facebook: Trung tâm WTO và Hội nhập – VCCI
- Đường dây tư vấn, Dịch vụ tư vấn theo vụ việc (Email: banthuky@trungtamwto.vn, Điện thoại: 024 3577 1458)

Giấy phép xuất bản số: **58/GP-XBBT ngày 04/11/2024**

Chịu trách nhiệm xuất bản: **TS. Nguyễn Thị Thu Trang**

In tại **Công ty CP Đầu tư và Hợp tác Quốc tế**

Thiết kế đồ hoạ: **Lê Huyền**

TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP
LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 09 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: +84 24 35771458 Email: banthuky@trungtamwto.vn
Facebook.com/trungtamwtovahoinhap.